

Wason
PL4380
A1
K457K
CUT

tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm • 20 trang 20 đồng

Khởi Hành

chủ nhiệm: chủ bút: anh việt trần văn trọng • thư ký tòa soạn: viên linh

LÝ HOÀNG PHONG sự đuổi bắt không cùng

PHẠM XUÂN NINH: CẨM THÙ, MỘT
KHÍ GIỚI / PHẠM KIỀU TÙNG: HƯ NGUY

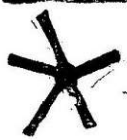


khởi đăng
**TRƯỜNG
GIANG**
truyện dài
CUNG
TÍCH BIÊN

VÀ CÁC BÀI VỞ KHÁC CỦA
NGUYỄN ÁI LỮ ■ TRẦN TỰ THOẠI
■ NGUYỄN KIM PHƯỢNG ■ TÙ
THỂ MỘNG ■ CHINH YÊN ■ THẾ
VŨ ■ NGUYỄN DỤC ■ TRẦN KHẢ
■ VƯƠNG PHÙ DU ■ LÊ VĨNH
NGỌC ■ ĐẶNG TRẦN HUÂN ■
NG THIỆP ■ HOÀNG NGỌC LIÊN

30

thứ năm 20-11-69



NGUYỄN AI LỮ

bề mặt và bề sâu của văn nghệ

O ĐÂY tôi chỉ xin giới hạn bài phiếm luận này trong phạm vi văn nghệ Quân Đội, bởi lẽ nếu bàn đến văn nghệ tổng quát trong lúc này sẽ có rất nhiều vấn đề cần đề cập đến và cũng cần đến sự tham gia ý kiến của rất nhiều người, ở nhiều bộ môn khác nhau. Người ta còn nhớ cả một đại hội văn hóa toàn quốc năm 1957 — thời đệ nhất Cộng Hòa cũng chỉ đưa ra được những nhận định khái quát về tình trạng văn hóa lúc bấy giờ — mà không vạch được một đường lối nào giúp cho nền văn hóa dân tộc phát triển, bởi vì hình thức đại hội như thế nghe thì to, nhưng chỉ có bề ngoài mà không có bề sâu, nhất là khi có sự lẫn lộn giữa mục tiêu văn hóa với mục tiêu chính trị.

Trong một cuộc mạn đàm với các anh Mai Trung Tĩnh và Thế Phong, tôi được nghe anh Mai Trung Tĩnh nói một câu: « người kể truyện khác với nhà văn, hiện tại chúng ta có nhiều người kể truyện ». Câu nói của anh Mai Trung Tĩnh, theo tôi, không phải là không có lý. Nếu kể số lượng các tác phẩm được xuất bản mấy năm gần đây, ta có thể nghĩ rằng hiện tình văn nghệ phong phú, nhưng phẩm chất thì cần chờ thời gian lượng định giá trị.

N HÃN chuyển công tác đi thăm Trung đoàn 44 trong khuôn khổ kế hoạch Chân trời mới, tôi đã ngạc nhiên khi thấy có nhiều bức tranh sơn dầu vẽ những cảnh sống động của các chiến sĩ nơi trận địa, trong rừng sâu, bên miệng hố cá nhân hoặc trong hầm chi huy. Đây là những sự thực mà các chiến sĩ va chạm hàng ngày tại tiền tuyến, không còn có tính cách tưởng tượng gì nữa và cũng chẳng còn tính cách thơ mộng như những bài thơ tả chiến sĩ dưới trăng thật đẹp. Những bức tranh đó do các anh em nghệ sĩ quân nhân thuộc Trung đoàn vẽ lấy, chỉ đề trưng bày tại bộ Chỉ huy Trung đoàn. Tôi nghĩ rằng ở các đơn vị khác còn rất nhiều tài năng văn nghệ thuộc đủ các bộ môn Văn nghệ chưa được khai phá, nâng đỡ, và chắc chắn các anh em đó có dưới tay những tác phẩm chưa được in để phổ biến. Những tác phẩm của anh em có thể được viết bằng máu và nước mắt, phản ánh trung thực cuộc sống gai lửa vì chính các anh em nằm trong lòng cuộc chiến này và đi sát với các chiến sĩ trên các tuyến đầu hơn ai hết.

Cái chất liệu để viết cho hay, cho sống động là chính cuộc sống của những cây viết lẫn vào thực tế chiến tranh và thực tế của đời sống nông thôn hiện nay, bởi vậy nếu các cây viết tại các đơn vị được khuyến khích và giúp đỡ trong vấn đề sáng tác, xuất bản, phổ biến tôi nghĩ sẽ có những tác phẩm giá trị được nhiều người chú ý tới.

Hội Văn nghệ sĩ Quân Đội trong năm đầu đã có những cố gắng đáng kể để xây dựng cơ sở hoạt động, và trên bề mặt đã có những bước tiến cụ thể như xuất bản tờ báo Khởi Hành, tổ chức triển lãm tranh ảnh nghệ thuật liên quan đến cuộc chiến hiện tại v.v... Với đà hoạt động sẵn có, tôi nghĩ rằng trong giai đoạn tới đây, Hội sẽ chú trọng đến việc phát triển sinh hoạt văn nghệ quân đội ở chiều sâu, tức là có một kế hoạch lâu dài để thiết thực tìm kiếm, khuyến khích và giúp đỡ các anh em văn nghệ sĩ ở rải rác các đơn vị, nhằm phong phú hóa sinh hoạt văn nghệ quân đội. Nếu chỉ chăm lo ở ngọn mà lơ là với gốc, thì chúng ta sẽ bỏ phí nhiều tài năng và hoạt động văn nghệ quân đội cũng sẽ nghèo nàn. Nhất là trong lúc mà cuộc chiến còn kéo dài, kẻ thù của ta còn dùng nhiều mưu chước, thì trong ba lô mỗi chiến sĩ ta cần có ít nhất một, hai cuốn truyện ngắn hay dài, hoặc những bài ca nói lên tình yêu quê hương, sự hy sinh của những người gần bó với mảnh đất này và không ngán kẻ thù có cùng một huyết thống.

C ÁI chết của một người lính trẻ trong rừng sâu, ở chốn sinh lầy, sự hi sinh âm thầm của một phi công trong một chuyến bay đêm hay là niềm đau thương của một thủy thủ trên kinh rạch, với những ước vọng giản dị, chân thành của những người đang cầm súng được gặp mặt vợ con sau mỗi trận chiến, là những nguồn cảm xúc mạnh có thể tạo thành những tác phẩm lớn.

Một Saint Exupéry, một Hemingway, một C. Virgil Gheorghiu đã viết được những tác phẩm lớn, không phải vì họ viết cái gì ghê gớm mà là chính ở cuộc sống thực tế có nhiều tủi nhục, đau sót do họ rút tỉa và ghi nhận được.

KỶ SAU: DUY NĂNG: BÀN VỀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG VĂN NGHỆ ĐỊA PHƯƠNG

■ NGUYỄN THIỆP

THỜI SU nghe thuật

DOÀN QUỐC SỸ
SOẠN SÁCH CHO
NHỊ ĐỒNG

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ kiêm giám đốc nhà xuất bản Sáng tạo đã cho phát hành hai tập I, II của Tuyển Tập Văn Chương Nhị Đồng do ông sưu tầm.

Cuốn I Ca Dao Nhị Đồng dày 144 trang gồm những bài ca dao nhị đồng Việt Nam và quốc tế. Phần ca dao Việt Nam được phân loại từng bộ môn luân lý, bài hát, câu đố v.v..

Cuốn II Ngụ Ngôn dày 160 trang, gồm 39 bài ngụ ngôn Việt Nam và Trung Hoa. Trong phần này ngoài các ngụ ngôn cổ tác giả sưu tầm thêm cả những ngụ ngôn mới của Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Văn Ngọc, Nam Hương v.v...

Phần quốc tế gồm 58 bài ngụ ngôn Ấn Độ, Trung Đông, Pháp, ngụ ngôn Esope, Panchatantra, La Fontaine.

Trong cuốn Ngụ Ngôn, tác giả cũng sưu tầm cho in lại một số tranh rất bay bướm của họa sĩ tiền chiến Mạnh Quỳnh đã minh họa cho tập ngụ ngôn La Fontaine do nhà Alexandre de Rhodes Hà Nội xuất bản.

Nghe nói toàn bộ Tuyển Tập Văn Chương Nhị Đồng của Doãn Quốc Sỹ sẽ gồm ít nhất là 10 tập. Các tập sắp xuất bản nói về thần thoại, cổ tích, danh ngôn, danh nhân.

Trong lúc sách nhĩ đồng thật thiếu như hiện nay, bộ Tuyển Tập Văn Chương Nhị Đồng của Doãn Quốc Sỹ là một công trình đáng khuyến khích.

XUẤT BẢN THƠ TẠI MẶT TRẬN

Mạc Phong Luân, một người làm thơ quen thuộc của các tuần báo, nguyệt san cách đây mấy năm đang rục rịch trở lại diễn đàn văn nghệ.

Anh hiện là Tiểu Đoàn Trưởng của một tiểu đoàn pháo binh tại vùng Hòa tuyến. Một phóng viên chiến tranh vừa từ ngoài đó về cho biết Mạc Phong Luân đang cho in tập thơ của anh lấy tựa là « Bên Lề Tình Cảm » và một tập tiểu thuyết trường thiên lấy tựa là « Tìm Lại Nụ Cười ».

Hoạt động mạnh lên các bạn. Còn chờ gì nữa. Hiện nay đang có khuynh hướng văn nghệ của các tỉnh nhỏ, của các đơn vị xa, và của hạ tầng. Văn chương phải khởi đi từ cái sống thực. Các bạn đang có những ưu điểm đó.

ĐÊM TRÌNH DIỄN THƠ, NHẠC Ở ĐÀ NẴNG

« Khởi đi từ ý hướng gây một không khí sinh hoạt Văn Nghệ liên t. c và thân hữu, chúng tôi mạo muội tổ chức buổi trình diễn thơ nhạc với chủ đề « Tình Yêu và Quê Hương » hôm nay. »

Trên đây là đoạn mở đầu của lời khai từ buổi trình diễn thơ, nhạc giữa đám đông vào hồi 19 giờ ngày 2.11.69, sau một cơn mưa dài bất chợt, tại Đà Nẵng. Buổi đọc thơ được tổ chức bởi những người làm thơ trẻ của miền Trung như Tống Châu Ân, Hoàng Bích Trâm, Trường Thi, Hải Triều Âm, Nguyễn Tăng Liên, Trần Dza Lữ... tại Hội quán Văn nghệ Trẻ số 26 Bạch Đằng Đà Nẵng.

Trần Dza Lữ trình bày thơ của chính anh, của Mộng Mán, của cô Hoàng Bích Trâm... Anh Hải Triều Âm tiếp đó đọc một bài « Những ý nghĩ và thơ bảy giờ ». Tiếp theo những nhà thơ lần lượt lên đọc thơ mình như Trường Thi, Hải Triều Âm (đọc thơ Thái Ngọc San) Tống Châu Ân, Trần Dza Lữ.

Đặc biệt trong buổi trình diễn nay còn có nhà thơ Hà Nguyên Thạch, Đình Hoàng Sa... và một số giáo sư ở Huế và Đà Nẵng tham dự. Vào giữa chương trình Hà Nguyên Thạch được mời lên trình bày thơ của Luân Hoán và Khắc Minh. Nhân đó giới thiệu một vài thi phẩm vừa mới ấn hành của hai nhà thơ này. Tuy mưa lại rơi nhẹ (vì quán lộ thiên chỉ che mấy cái lọng lớn) nhưng những bạn yêu thơ nhạc vẫn ngồi lại rất đông và có một số đã đội mưa mà tới. Trong số những bạn trẻ đến dự buổi trình diễn có cô Mỹ Thanh đã lên trình bày nhạc Trịnh Công Sơn, một thương binh đã lên hát Lê Đá của Hà Huyền Chi. Những tình khúc của Vũ Thành An như « Bài không tên số 2 » « Thu Quyên Rũ » của Từ Linh đã được trình bày bởi giọng ca của em Thanh Dũng...

Gần cuối chương trình Hà Nguyên Thạch lại lên đọc thơ của Kiều Trung Phương và Nguyễn Ngự trong cơn mưa đã nặng hạt. Sau đó một vài quân nhân đã tình nguyện trình bày nhạc của Phạm Duy. Và một giáo sư đã lên hát « Tôi đến thăm em một chiều mưa » của Tô Vũ...

Buổi trình diễn thơ nhạc đầu tiên giữa đám đông, tại Hội quán Văn Nghệ Trẻ Đà Nẵng tương đối thành công trong tinh thần Văn nghệ cổ hữu của miền Trung. (C.A. ghi)

TRANH

NG. TUẤN KHANH

Họa sĩ Nguyễn Tuấn Khanh (Tức Kinh Dương Vương) triển lãm tranh ở Trung Tâm Văn Hóa Pháp tại Đà Nẵng. Phòng Triển Lãm sẽ mở cửa từ 11 đến 18-1-69. Gồm những bức sơn dầu mới nhất của anh vẽ tại Huế. Họa sĩ N.T. Khanh, đã từng bày tranh ở Saigon và hiện nay, là Đại Diện Liên Lạc của Hội Họa Sĩ Trẻ tại Miền Trung.

ĐẠI HỘI THƯỞNG NIÊN

TRUNG TÂM VĂN BÚT

MỒ BÒ

Thời ấu cũng là duyên tiền định. Bổng dựng trụ sở của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam lại các cơ đặt ngay cạnh chợ cầu Ông Lãnh, nơi các bạn hàng rau, hàng cá vẫn sinh hoạt hàng ngày.

ÊNH CHÍNH

Trong truyện dài Trường Giang, làng Tuy Phước xin đọc là Làng Vĩnh Fy. (Làng Vĩnh Hy nằm trong quận Tuy Phước). Tác giả cáo lỗi cùng bạn đọc. CTB

Bữa Chủ nhật 9-11-69, đúng như giấy mời, Văn Bút đã khai mạc phiên đại hội thường niên một cách lễ độ và rất tráo trở. Chương trình đề là 9 giờ 30 nhưng các cụ khệnh khạng mãi đến 11 giờ 30 mới khai mạc. Chủ tịch Thanh Lăng mở đầu bằng một bài diễn văn vô cùng văn chương, chữ nghĩa. Gọi là đại hội cho nó hách chữ đến cả ngày vẫn không quá được hai chục đấng. Quý vị "tay to, mặt nhớn" trong làng không thiếu, cụ Vũ Hoàng Chương, cụ Phạm Việt Tuyền, Nhật Tiến v.v. phía nữ áo xanh, áo đỏ cũng nhiều. Bà Minh Quân, ngậm si "cốt tở" Hoàng Hương Trang, Bà Xuân Nhã nghĩ ngợi xa xôi sao đó lại dặt theo phu quân Bùi Xuân Uyên. Ông Uyên nói mấy năm nay, bây giờ ông mới đi họp. Ghê thế.

Trong mục báo cáo hoạt động của Trung Tâm năm qua, phần tài chánh được thông qua vì ông Huỳnh Thiên Kiêm không thể tới dự được vì lý do gia đình. Tới phần hoạt động, Tổng thư ký Phạm Việt Tuyền bị các văn hữu chất vấn tới bởi hoa lá về vụ cử phái đoàn đi dự hội nghị Văn Bút Quốc tế tại Pháp. Nào bắt công, nào không đang hoàng. Có người đặt ra tại sao ông Thanh Văn, một thi sĩ ít người biết, mới vào hội mấy tuần, không có tên trong ban chấp hành lại được mũ áo đi tây v.v... Vấn đề này vẫn còn đang giằng co chưa đi đến đâu thì bỗng dưng hai vị môn văn hóa Phò Đức và Hoàng Hương Trang đứng lên xin từ chức, rút lui khỏi ban thường vụ.

Đại hội cãi nhau ồm tỏi về vụ bầu lại ban chấp hành hay chỉ bầu lại những người xin từ chức. Cụ Vũ Hoàng Chương tác giả thơ Say và Mây nói ông Phạm Việt Tuyền làm Tổng thư ký lâu quá rồi, bây giờ cũng nên rút lui đi, kéo người ta ghét. Ông Tuyền chưa kịp phản ứng, chưa kịp nói câu nào, cụ Vũ Hoàng Chương lại bảo, suốt mười năm nay ông Phạm Việt Tuyền chăm chỉ lắm, lại được tin nhiệm nữa nên có lẽ chẳng có ai thay ông đâu.

Nhà thơ Bàng Bá Lân, phó chủ tịch của hội đứng lên đòi từ chức để Đại hội bầu lại. Chủ tịch Thanh Lăng thuyết phục một hồi nên ông không từ chức nữa với điều kiện sẽ đi họp không đều vì bận việc và đạo này Saigon kẹt xe quá.

Cuối cùng dẫu lại vào đó. Có đại hội cũng như không có đại hội. Hai ông Lê Phương Chi và Nguyễn Văn An được đưa lên thay cho Phò Đức và Hoàng Hương Trang. Còn kỳ dư vẫn không thay đổi.

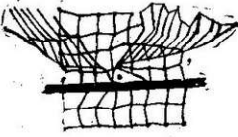
Cuộc họp của Trung Tâm Văn Bút kéo dài tới 1 giờ trưa mới thôi. Sau đó, người nào góp tiền thì tới nhà hàng Nam Độ ăn nhậu. Ai không góp tiền thì tự động vắng bụng đói về nhà ăn cơm với vợ với con.

GIAO HỮU VĂN HÓA NỬA CHỪNG XUÂN DỊCH SANG TIẾNG ĐẠI HÂN

Tiểu thuyết «Nửa Chừng Xuân» của Nhà Văn Khái Hưng trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn mới được xuất bản tại Hán Thành, Thủ đô nước Cộng hòa Triều Tiên.

Người dịch tác phẩm này sang tiếng Đại Hàn là một vị Thiếu Tá oai phong lắm liệt tên Yoon-Seok-Doo. Vị Thiếu Tá này trước đây theo quân

TU KẾU



NÊN LẮM

(Thượng viện định phụ cấp cho mỗi Nghị 10.000 \$,00 đựng mướn thư ký riêng)

Các cụ ạ, vấn đề phụ cấp
Đẹp quá trời, hãy gấp làm đi
Mười ngàn có đáng cái chi
Nhân dân đóng thuế việc gì chẳng xong!
Vả các cụ hết lòng vì nước
Lương phải nhiều lấy thước mà đo
Trăm ngàn sức mảy mà no
Nếu không phụ cấp chết co bây giờ!
Mần ông Nghị gà mờ đầu đảng
Phải làm sao cố gắng hơn người
Làm sao đời có «chất tươi»
Mướn cô thư ký miệng cười xinh xinh!

đội sang phục vụ tại V.N. và cũng bắt đầu từ đó ông vừa học tiếng Việt vừa dịch đời cô Mai. Người phụ trách mục này cũng như đa số bạn đọc, ít người biết tiếng Đại Hàn nên không thể biết bản dịch «Nửa Chừng Xuân» của nhà văn Quân Đội Đại Hàn Thiếu Tá Yoon-Seok-Doo nó ra làm sao.

Nhưng nếu chỉ học tiếng Việt một hai năm đã dám dịch một tác phẩm văn chương phong tục thì quả là chuyện phi thường vậy, quả là can đảm lắm lắm vậy thay.

Người Việt mình học tiếng Mỹ cấp tốc ba tháng để bán bar, cấp tốc sáu tháng để làm thông dịch hoặc lái xe cho Mỹ. Nhưng để dịch văn chương của Faulkner, của Miller thì nó lại khác.

Tuy nhiên người Việt Nam mình vẫn thấp hèn cầu nguyện cho bản dịch Hán ngữ cuốn «Nửa Chừng Xuân» của nhà văn Thiếu tá Yoon Seok Doo. Cậu sao cho nó hay, nó tốt chứ đừng lem nhem. Nhưng dù sao Khái Hưng nay đã khuất rồi...

ĐẶNG TRẦN HUÂN

NỮ SĨ PEARL BUCK CÒN GÂN LẮM

Nhà Stock mới cho xuất bản tại Pháp tập truyện mới nhất của Pearl Buck mang tên *Le Sari vert*. Những truyện ngắn này đều lấy khung cảnh Á Đông: Trung Hoa, Ấn Độ, Cao Ly. Đây là một loại truyện nhân vật là trẻ thơ nhưng viết cho người lớn. Rải rác trong truyện tác giả đã bày tỏ nỗi đau lòng của bà trước những va chạm giữa Mỹ và Á Châu.

Năm nay 77 tuổi, Pearl Buck, tuy là người Mỹ, sinh ở Mỹ nhưng bà lớn lên và sinh sống ở Trung Hoa cho mãi tới khi Mao Trạch Đông lên nắm quyền.

Bà được giải Nobel Văn chương năm 1938. Hiện giờ bà vẫn sống độc thân, và đứng đầu Tổ chức Pearl

Buck, một tổ chức nhằm nâng đỡ đời sống những đứa trẻ lai Mỹ-Á, vô thừa nhận do binh sĩ Hoa Kỳ tạo ra ở các quốc gia Á Châu như Đại Hàn, Nhật, Tàu, Việt Nam.

Tiền tác quyền cuốn sách *Le Sari vert* của Pearl Buck cũng được xung vào quỹ của tổ chức nuôi con cô Mỹ-Á này.

BEN HUR CẢI TIẾN

Cuốn phim nổi tiếng *Ben Hur* một lần nữa được đưa lên màn ảnh bằng phương pháp tân kỳ hơn. *Ben Hur* 1969 chiếu trên màn ảnh cinérama, âm thanh nổi, và 70 ly.

Mười năm trước đây *Ben Hur* của đạo diễn William Wyler ra đời chiếu trên màn ảnh cinémascope đã được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt.

Người ta nhớ năm 1927 đã có một phim *Ben Hur* ra đời với Ramon Novarro do đạo diễn Fred Niblo thực hiện. Nhà phê bình điện ảnh Léon Moussinac đã viết về *Ben Hur* 1927 như sau: «Những phương tiện và kỹ thuật vì đại đã được dùng cho một câu chuyện lỗ bịch. Tuy nhiên có hai cảnh khá đó là cảnh đua xe và hải chiến».

Lời phê bình đó có thể đem dùng lại cho *Ben Hur* 1969 hay 1959 cũng không sai. Có điều đáng buồn cho đạo diễn William Wyler là cảnh đua chiến xa giữa Charlton Heston và Stephen Boyd lại không phải là sáng kiến của ông mà là công bình của ekip phụ Andrew Marton và Yakima Canutt.

Với khán giả Việt Nam, phim *Ben Hur* 1969 có cũng như không? Bởi vì nó chỉ to hơn, rộng hơn, nói lớn tiếng hơn *Ben Hur* 1959 mà tại Việt Nam lại chưa có rạp cinérama.

Với khán giả nghèo thì *Ben Hur* 1969 không có còn hơn. Bởi vì nếu có thì chỉ vì to hơn mà phải trả nhiều thuế kiểm ước giá vé đắt hơn thì đau quá.

Thà rằng xem thứ ciné màn ảnh bé trên ti vi công cộng mà để dành được chút tiền đóng gạo cho con.

Mỗi ông một công bình rồi nhè
Chẳng còn ai ăm ọe với ai
Của riêng ai nấy việc xài
Tha hồ cắt đặt trong ngoài cho êm
Văn phòng đẹp nhờ thêm người đẹp
Có bóng hồng khép nép đưa duyên
Chắc rằng các cụ hứng lên
Đầy cao năng xuất lại bền lá gan!
Sẽ họp hiếc luận bàn trôi chảy
Sẽ lời vàng nước máy thảo thao!
Những khi vắng kẻ ra vào
Có quyền gạ gẫm xáo xào khô khan!
Lương người đẹp mười ngàn tạm đủ
Tiền nhân dân quý cụ cứ dùng
Rời ra hò hét cho hung
Bao nhiêu sắc thuế hãy cùng chuẩn y.
Nếu không chuẩn lấy gì lương lậu
Lấy tiền đầu đảng tậu xe hơi
Tiền đầu trả bếp trả bồi
Trả cô thư ký cõng ngồi làm duyên.

Lính ơi núi đỏ rừng thiêng
Cái lương đánh giặc bốn thiên là nhiều!

KÊ THẤT TÌNH VIẾT CHUYỆN CHIẾN TRANH

Câu chuyện tình của chàng phi công trẻ từng có vợ yêu một nàng công chúa lâu son giữa thế kỷ thứ 20 đã có đạo làm tổn hao nhiều giấy mực của báo chí thế giới, bây giờ đã trở vào quên lãng hẳn nếu chàng không viết một cuốn phóng sự chiến trường.

Đó là cuốn *Un duel d'aigles* (Đại bàng tranh hùng) dày gần 600 trang, bán 28 quan do nhà Laffont xuất bản. Tác giả, Peter Townsend, nổi tiếng thế giới không do cuốn sách, không do những chiến công lập được trên trời, mà do sự việc dám làm cho nàng công chúa nước Anh Margaret phải say mê, đã có lúc toan khước từ tất cả danh vọng và quyền lợi của hoàng gia để sống với người đàn ông ấy.

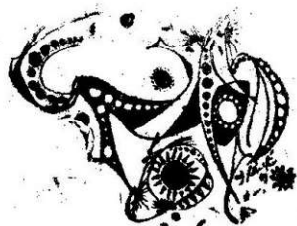
Nhưng rồi phút bỗng chợt qua đi nàng công chúa trở về với đời sống vương giả, chàng phi công rời phòng hoa tiêu, ôm tay bánh chiếc Land Rover lang thang nước này qua nước nọ để khốc mỗi tình thơ mộng nhưng bị hoàng gia coi là ngang trái.

Ít lâu sau, Margaret kết hôn cùng một thứ dân, một người thợ ảnh. Và Peter Townsend cũng cưới luôn cô thư ký của mình. Những đứa trẻ của cả hai phe lần lượt ra đời. Chuyện tình sôi nổi xưa lùi theo dĩ vãng.

Đột nhiên, bây giờ Townsend in sách. Một cuốn sách chiến tranh, kể tại những ngày huy hoàng của không lực hoàng gia Anh quốc trong thế chiến thứ hai.

Tác giả, Peter Townsend, cũng chính là một phi công đã từng hạ chiếc phi cơ Đức đầu tiên trên đất Anh.

Với một tâm hồn lãng mạn, mà cũng là một chiến sĩ gan dạ, vừa bởi mớ ký ức nhớ những chiến công từ vài chục năm trước vừa nhớ những vui buồn của một mối tình mạn nồng để gì đã quên, Peter Townsend đã làm độc giả lại nhớ tới ông nhiều trong cuốn *Đại bàng tranh hùng*.



hư ngụy

1

Tay anh em hãy tựa đầu
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi.
Đừng tin lời bịa đặt của người thi sĩ:
Trái sầu, điều hư ngụy. Điều hư ngụy mãi
mãi chẳng bao giờ có thực: người thi
sĩ không gọi tên, không bày tỏ cõi đời.
Hắn nói gì, hắn nói điều hư ngụy chỉ có
trong ngôn ngữ.

2

Điều hư ngụy cũng chẳng phải đã sẵn đó,
trong đầu óc người thi sĩ; chẳng phải
đã sẵn đó, trong hư tưởng mặt mũi nơi
một trí tuệ thời thúc mê cuồng; chẳng
phải đã sẵn đó, trong dòng máu trong hơi
thở bốc lửa từ những cảm hứng đột khởi
bàng hoàng ngây ngất: điều hư ngụy chỉ
thành tựu trong cuộc phiêu lưu của
những ngôn từ đàn trải qua cách hiểu
diễn ngôn ngữ nơi người thi sĩ (cuộc
phiêu lưu còn là vô định ở từng giây
phút khi lời thơ chưa thành tựu).

3

Những chữ đã sẵn đó, trước khi tôi viết.
Tôi viết: tôi là cơ hội từ đó những
chữ nối tiếp nhau, dần trải một cách nào
đó. Một cách nào, nhưng từ đó được định
đoạt để bỏ buộc không thể khác: một
cơ hội chỉ một lần của ngôn ngữ. Tôi sẽ
viết một điều khác, với những chữ khác?
có sao không? nhưng là một cơ hội khác:
những cơ hội dù thế nào cũng chỉ một
lần.

Mỗi tác phẩm là một cơ hội của ngôn ngữ,
là một lần, một cách thế gặp gỡ của ngôn
ngữ: mỗi tác phẩm là một trường hợp
của ngôn ngữ.

Ngôn ngữ đã sẵn đó, và chờ đợi gặp gỡ
trên từng dòng chữ, trên trang giấy
(Barthes: ngôn ngữ, một chờ đợi...). (1)

4

Với những chữ, và từ đó người thi sĩ
viết. Nhưng lời thơ đó nói gì? nói
điều hư ngụy chỉ có trong ngôn ngữ.
Thi ca: điều hư ngụy đó.

(1) Roland Barthes — *La Degré Zéro de L'écriture*,
Seuil, 1953, p17

nói chuyện in sách với các nhà xuất bản

LÁ BỐI (từ miễn), AN TIÊM (thanh tuệ), HOÀNG HẠC (chân pháp)

VIÊN LINH

Vào tối thứ tư trước, tôi được thầy Thanh Tuệ, chủ trương nhà xuất bản An Tiêm, mời dự một bữa ăn chay tại nhà. Trong bữa ăn có mặt các thầy Từ Miễn, chủ trương nhà xuất bản Lá Bối, Chân Pháp, chủ trương nhà xuất bản Hoàng Hạc. Những người được mời ăn còn có anh Đỗ Quý Toàn, báo Diễn Đàn, anh Tú Kieu, báo Đời, và anh Lý Đại Nguyên, ứng cử viên Tổng Thống bị gạch tên. Bữa ăn cũng là một buổi nói chuyện về tình hình xuất bản hiện nay, qua nhận xét của các nhà xuất bản, và thầy Minh Hiền, người phát hành sách của hai nhà xuất bản An Tiêm và Lá Bối. Bữa ăn và câu chuyện diễn ra trong tiếng nhạc cổ điển của Mozart phát ra từ một máy giấu kín, ngoài hai ông khách đại diện ở góc phòng.

VIÊN LINH: Tôi tháng này, nhà xuất bản do các thầy chủ trương đã in được đến tác phẩm thế bao nhiêu?

Thầy Từ Miễn, tóc hơi bạc, khuôn mặt đầy đặn, đeo kính trắng, mặc áo nâu, chỉ ăn cơm trắng với đậu kho tàu vì yểu, nhìn thầy Thanh Tuệ. Ông này còn trẻ, mặc áo tu màu lơ, tươi cười hơn.

THANH TUỆ: Tình chung, sau ba năm hoạt động, nhà An Tiêm đang in tới cuốn sách thứ 50, trong có tới bảy cuốn chưa phát hành, và trong số này có cuốn *Cái Chuồng Khỉ* của anh Nguyễn Đức Sơn bị kiểm duyệt.

VL: Nghĩa là in xong rồi mà không phát hành được?

TT: Vâng, dù đây là một tập truyện ngắn, cả tập truyện chỉ có truyện *Cái Chuồng Khỉ* (lấy làm nhan cho toàn thể) bị kiểm duyệt.

Sở PHNT nói truyện này có thể bị hiểu lầm cả chế độ đang ở trong cái chuồng khỉ. Đó chỉ là vì các ông ấy suy ra mà thôi. (1)

TÚ KIỆU: Đại sư cứ cho phát hành đại đi, không ai biết đâu.

LÝ ĐẠI NGUYÊN: Thầy chịu tốn thêm vài ngàn là xong hết.

VL: Còn Thầy Từ Miễn?

TỪ MIỄN: Nhà Lá Bối riêng trong năm nay in được 17 cuốn.

VL: Các thầy cho biết tác giả nào được coi là ăn khách nhất?

TM-TT: Không có tác giả VN nào ăn khách nhất. Tác giả ăn khách nhất là người ngoại quốc. Nói chung sách dịch bán chạy hơn sách sáng tác.

LÊN: Tôi cũng chỉ đọc sách dịch. Đọc tác giả ngoại quốc tôi được bảo đảm hơn là tác giả VN. Chẳng hiểu mấy ông ở đây họ viết cái gì.

TK: Anh đừng giả dối. Đêm qua anh thức thật khuya để đọc một tác giả VN, tôi thấy rõ.

LÊK: (cười trề)

ĐỖ QUÍ TOÀN: Thầy Lá Bối, còn cuốn *Chiến Tranh và Hòa Bình* của ông Nguyễn Hiến Lê dịch Léon Tolstoi?

TM: Cuốn 1, 2 bán gần hết, Cuốn 3, 4 còn kẹt. (2)

VL: Thầy in mỗi cuốn bao nhiêu bản?

TM: Tôi tính in 3000 bản nhưng ông Nguyễn Hiến Lê đề nghị in 5000. Ông đã bỏ ra một năm rưỡi để dịch và 6 tháng để sửa bản in.

ĐQT: Bản quyền dịch giả là bao nhiêu, thưa Thầy?

TM: Sáu trăm ngàn.

TK: Sáu trăm ngàn chia cho 24 tháng làm việc, vị chỉ là 25 ngàn một tháng. Kề cũng phải.

ĐQT: Nhà Lá Bối có kẹt vì in bộ sách này không?

TM: Kề thì kẹt. Tôi đã phải đi vay lãi để in, ngoài ra có bao nhiêu tiền đều đổ vào nó cả.

LÊN: Nhưng bộ sách chắc cũng sẽ bán hết?

TM: Vâng, hy vọng như vậy. Sách dày, bán giá cao, người đọc phải mua dần.

TT: Hai nhà Lá Bối và An Tiêm lại là hai nhà xuất bản có sách bán rẻ nhất. Trong khi các nhà xuất bản khác lấy tiêu chuẩn 7 các một trang, chúng tôi chỉ lấy 5 các (3)

TK: Bây giờ có thuê tiệm in?

TM: Bây giờ, theo các nhà xuất bản bạn, chúng tôi cũng sẽ phải tăng giá. Tiêu chuẩn bây giờ là 14 1 trang. Chúng tôi sẽ tăng theo tỷ lệ của chúng tôi là từ 5 các lên 7 các rưỡi.

VL: Tôi biết có một nhà xuất bản đã dám trả 750% hoa hồng trên giá bán cho nhà tổng phát hành.

TT: (cười) Tôi không hiểu các nhà xuất bản khác làm việc thế nào riêng chúng tôi rất chặt vật.

Cũng may là tôi độc thân chứ có vợ con nữa thì thật không biết xoay trở ra làm sao.

TM: Thầy Thanh Tuệ còn ở cái nhà này, chỗ cái nhà tôi ở chật chội lắm, con ngõ nhỏ xíu, sách phải chất trên đầu, cứ sợ có sụp xuống.

VL: Trong các tác giả VN mà hai nhà An Tiêm Lá Bối đã xuất bản, số ấn bản cao nhất và ít nhất là bao nhiêu?

TM — TT: Bốn ngàn và ba ngàn.

LÊN: Có cuốn nào bị kẹt?

TM: Thường thì không, tuy rằng có cuốn về dự tính phải bán chạy thì lại bán chậm. Đó là cuốn *Mặt Trên Miền Tây Vĩ* Yên Tĩnh của Remarque (4).

VL: Thế thì là. Tôi đã say mê truyện này.

TM: Ai đọc rồi cũng bảo hay, có lẽ vì quảng cáo.

TT: Nhà An Tiêm cũng gặp trường hợp tương tự, đó là cuốn *Sầu Cửa Vào Đông Thiểu Thất* của Bồ Đề Đạt Ma (5) Tôi nghĩ sách sẽ bán chậm lắm vậy mà lại bán chạy.

TK: Có lẽ vì cái tên có vẻ kiêu hiệp.

VL: Nhà văn Mai Thảo bảo bản tựa của sách này hay lắm. Tôi cũng đã được đọc. Còn giờ tới Tết, các thầy có định in gì thêm không?

TM-TT: Không. Chỉ phát hành một hai cuốn nữa rồi nghỉ, mùa này sách không bán được. Ế là những cuốn đã lỡ in rồi.

CHÂN PHÁP: Nhà xuất bản Hoàng Hạc đang in tới ba cuốn, hai cuốn dịch Dostoevsky và cuốn đầu dịch *Le Ballon Rouge* của A. Lamorisse. Cuối năm này sẽ phát hành tháng tới.

VL: Sách bán chạy nhất có lẽ là vào mùa xuân. MINH HIỀN: Mùa xuân và sau mùa xuân giáo khoa, tháng tám, tháng chín. Bán ế nhất khoảng này.

Bữa ăn chấm dứt, mọi người tới ngồi xung quanh bàn trà. Nhạc Mozart vẫn tiếp tục.

TT: Tôi đang tính mở quán cà phê. Đáng hơn một nơi để anh em gặp nhau mỗi tuần, chỉ một ít người.

NHIỀU NGƯỜI: Nền lắm. Làm ở đây cũng được.

VL: Mỗi người lâu lâu sẽ mang tới một kỷ niệm.

NHIỀU NGƯỜI: Được lắm.

TT: Tôi đã in thiệp quảng cáo. Tôi sẽ gửi các anh.

NHIỀU NGƯỜI: Chúng tôi chờ.

Một lát sau chúng tôi ra về. Lúc tới, trời đã ngớt mưa. Lúc về, mưa đã tạnh. Thầy Thanh Tuệ ci anh em cuốn sách sắp phát hành của nhà An Tiêm Sa Mạc Phát Tiết, thơ *Bài Giảng*. Mong các nhà xuất bản ở Saigon mỗi khi có sách in, nên tổ chức một buổi họp mặt tương tự.

(1) *Cái Chuồng Khỉ*, nhân vật chính là Dư, m thanh niên trí thức thất nghiệp, thường vào sở thú coi khỉ, xem khỉ ăn ái. Anh ta nghĩ lan man nhiều chuyện: tự tử, đăng cấp con người,... Anh ta đưa Mộc Linh vào sở thú trước ngày nàng nhà chồng là Phan. bạn anh ta. Anh ta nghĩ Phan chẳng ra gì, Mộc Linh cũng là một cô gái tầm thường nhưng cuối cùng anh ta rủ được Mộc Linh lên Ế Lạt khiến nàng lỏ ngang dám cưới. Một tuần sau anh ta tự tử chết.

(2) Trọn bộ 4 cuốn.

(3) Kề tất cả chi phí ấn loát và bản quyền. Tiêu chuẩn 5 các 1 trang là có lãi. Sách dày 100 sẽ đề giá 50 \$. 200 tr sẽ đề 100 \$.

(4) "A L'ouest rien de nouveau" Phạm Trọn Khôi dịch.

(5) *Trực Thiên dịch*.

ĐỌC « BẾP LỬA » CỦA THANH TÂM TUYỀN

« Nhìn lại vai trò nhà văn trong một xã hội hỗn độn »

NHÀ AN TIÊM vừa xuất bản lần đầu tiên cuốn truyện « Bếp Lửa » của Thanh Tâm Tuyền, mùa thu năm nay, 1969. Hai lần xuất bản trước của cuốn truyện tại nhà Nguyễn Đình Vương (năm 1957) và nhà Sáng Tạo (1965). Trong lần xuất bản thứ hai, tác giả kèm thêm phía trước truyện của ông một lời tựa, lời tựa như một nhìn lại, một xác định để đánh dấu, đối với tác phẩm đầu tiên của tác giả. Ở lần xuất bản năm nay, tác giả giữ nguyên lời tựa đó, mà tôi sẽ đề cập tới, ở phần cuối của bài đọc sách này.

Truyện mở ra với không khí mùa đông Hà Nội, lạnh lẽo, tiêu sơ. Các nhân vật ở Hà Nội, sống giữa sự bủa vây, đe dọa, của chiến tranh, các thanh niên bị bắt lính hoặc bị tình nghi có liên lạc với kháng chiến. Ngột ngạt. Ở với cha già (một ông già lắm lì nhưng đa cảm), mồ côi mẹ từ lâu, chỉ còn rất ít thân thích, vài người bạn, thấy chán Hà Nội, nên Tâm — cũng là người kể truyện — bỏ dạy học ở thủ đô để sang Bắc Ninh dạy cho một trường đạo, sống thu mình trong một căn phòng, tránh mọi giao tiếp phiền toái. Từ Bắc Ninh, chàng về thăm quê xưa — quê ngoại — nay đã hoang tàn, dự ở đó một bữa tiệc cưới của người bạn học thân nhất hồi nhỏ tuổi. Tâm cũng về Hà Nội nhiều lần nhất hồi thăm nhà cha mẹ, hay chỉ thoáng qua. Dự tiệc cưới của một cô em họ. Trở lại với công việc dạy học, rồi một hôm, giữa 1 cơn sốt nhẹ, chàng được linh mục chủ trường cho biết chàng « có thể nghỉ dài hạn ». Từ giờ Bắc Ninh, trở về Hà Nội, Tâm chỉ kịp đến nhà thương để nhìn thấy xác chết của người cha già, qua đời vì bệnh đau màng óc. Thanh toán chuyện nhà cửa và đồ đạc với người con gái riêng của cha già xong, chàng xuống Hải Phòng tìm một người bạn như hân đã hẹn trong thư, nhưng đến nơi thì hân đã bỏ đi xa biệt tích. Không còn gì nữa, khi một người bạn ở Hà Nội đã bỏ ra bụng, người cha già đã chết, người bạn cuối cùng cũng đi xa, thế là hết hân, Tâm tuyệt vọng đến cùng, cảm thấy có tự từ cũng thất vọng, hoàn toàn vô ích. Rồi chàng vào Nam. Và trong một bức thư trả lời người thân nhất còn ở ngoài Bắc, bày tỏ tình yêu và niềm tha thiết quê hương.

Những bước chân, những gặp gỡ, những mơ ước, những chán chường và những phần nộ của Tâm. Bên cạnh Tâm, là những dáng dấp, những khuôn mặt nhân vật, một thế giới ở đó. Ông Chính, cha già Tâm có một người con riêng là Thịnh, trước khi ông lấy mẹ Tâm, nhưng không sống với người con gái kia, mà cũng không có được đứa con nào với mẹ Tâm. Mẹ Tâm chết đi, ông sống lầm lũi bên cạnh Tâm, coi chàng như con ruột. Ông ít nói nhưng mỗi lúc lên tiếng là ông lại khiến Tâm phải xúc động, hoặc xót xa, hoặc phần nộ, hoặc chỉ bức bối, nhưng luôn luôn lời nói đó gọi ra một cái gì, một thực tại đã bị che khuất trong trí não Tâm. Ông không bao giờ cởi mở được hoàn toàn tâm sự của ông với Tâm, giữa hai người có một hố sâu vô hình, một người đã chết (mẹ Tâm), một ngăn cách không thể vượt qua. Nghĩa là Tâm, dù cố gắng, không bao giờ thông cảm hoàn toàn được với ông Chính, mà trái lại, còn có một động lực vô thức trong tâm hồn chàng luôn luôn phản kháng lại sự thống cảm. « Vì lẽ gì đó chúng tôi không được tự nhiên khi gần nhau » (trang 32). Ông Chính là hiện của thân dĩ vắng trong đời Tâm, dĩ vắng mà chàng luôn phải gặp dù không muốn gặp: Dĩ vắng như một ngăn cách, một chi phối ngầm ngấm, độc đoán và không người nghĩ. Tâm chỉ nức nở khóc thương ông, chan hòa nước mắt, khi ông chết. Như người ta chỉ thực sự bắt gặp dĩ vắng một cách toàn diện khi nó không còn là ám ảnh chấp chùng những chi tiết tâm thương và quen thuộc. Ý thức Tâm giao hòa với cái chết của ông Chính khi ông không

còn lên tiếng được, đề nhắc nhở, đề khuyên nhủ, đề hỏi han chàng nữa. Ông Chính nhân vật cha già này, có ý nghĩa sâu xa đó. Đây là người thân nhất của Tâm, hay tác giả muốn người ta hiểu rằng dĩ vắng là thực tại chi phối và dẫn dắt chàng nhiều nhất? Và khi dĩ vắng quen thuộc đó biến mất cũng chính là lúc người ta phải ra đi, phải tìm một không gian sinh tồn khác, phải sống cách khác, sau cơn tuyệt vọng; Tâm vào Nam vì thế?

Hay vì chàng quá chán nản về trường hợp Đại? Đại, một người bạn được nhắc đến nhiều của Tâm, là sinh viên khoa học, mê chủ nghĩa cộng sản lại nghiền ngẫm « Crime et Châtiments » của Dostoievski, muốn bỏ Hà Nội để theo kháng chiến Việt Minh. Lúc Tâm sang Bắc Ninh, Đại bị đuổi nhà, lại bị lùng bắt vì trốn lính, Đại dọn tới ở với ông Chính, rồi tăng tịu với Thịnh (con gái ông Chính, về ở với ông từ khi Tâm đi) nhưng lại lên mặt đạo đức nghiêm trang, hồ thẹn mỗi lần gặp Tâm và sau cùng bỏ trốn ra vùng khi Thịnh bắt đầu có thai với hân. Hân đề cao cách mạng vô sản, chủ trương hy sinh cho lý tưởng, nhưng đời sống của hân chỉ độc lập một bản chất hèn hạ, biền lận. Cách mạng, Tâm

của giới thanh niên trí thức tiểu tư sản trong một xã hội đang xuống dốc, cái xã hội thu hẹp ở Hà Nội vào những ngày chiến tranh khốc liệt nhất, sắp sửa tàn lụi ở cùng điểm là năm 1954. Tâm trạng của Tâm là một tâm trạng chờ đợi, bằng khuân, tâm trạng lưỡng lự, không dứt khoát.

Tâm yêu Thanh và ngược lại, nhưng hai người không chịu giải tỏ tình yêu với nhau. Họ lặng lẽ dò xét, tìm kiếm nhau qua từng câu nói bằng quơ. Thế nên Thanh chịu đựng tất cả thiệt thòi. Nặng nề ý Tâm xem có nên nhận lời lấy Chu không, trong khi nàng chờ đợi câu trả lời của Tâm, thì Chu đã bỏ lửng để nghị rồi, chỉ vì Chu không thích Thanh đi ca ở đài vô tuyến. Chu quay ra hỏi lấy Minh, em gái Thanh. Thanh vẫn chờ đợi Tâm trong cô đơn, qua những đêm đông dài lạnh lẽo. Cho đến khi Tâm bỏ đi, vào Nam rồi, Thanh mới viết thư bày tỏ niềm trông đợi của nàng, gần như thế. Nhưng nàng chính là hình ảnh của quê hương, đến khi xa rồi người ta mới nhớ càng ngày càng nhớ, bởi lúc ở gần người ta có thể đùa bỡn, hay dừng dừng với nàng, như với quê hương, người ta chưa thấm thía sự cần thiết của nàng.

Còn quê hương cụ thể, quen thuộc, của thời Tâm thơ ấu, ấy là quê ngoại, nay đã tan hoang, ở đây Long, người bạn học thân của chàng hồi nhỏ, lập nghiệp, lấy vợ, mở lớp dạy học, sống qua ngày tháng. Đó là quê hương đau khổ, quê hương trôi dạt giữa cảnh điêu tàn tang tóc. Quê hương cũng hiện hiện vụn vụn, tan tác, qua hình ảnh Hạnh, một cô bạn học hồi nhỏ của Tâm, là người đàn bà đau khổ gặp lại chàng trong tiệc cưới Long, rồi yêu chàng say đắm, cuồng nhiệt, cố níu lấy Tâm như sợ đánh mất chàng trong cảnh bom đạn chiến tranh. Rồi nàng bị giữ lại ngoài vùng, không về thành nữa; sau cùng hình ảnh Hạnh hiện ra chấp chùng trong cơn mơ tháng thốt của Tâm trên căn gác xếp ở Hải Phòng. Hạnh trở thành ám ảnh về nỗi bất hạnh trong cuộc đời và trong tình yêu. Còn Françoise — người bạn gái ngày xưa — ở mãi tại trời Tây, chỉ là một hình ảnh điểm ảo xa vời, tô đẹp thêm cho đời sống đầy mơ mộng của Tâm mà thôi.

Qua tất cả những nhân vật đó, cuốn truyện muốn nói gì? Với nghệ thuật cấu tạo riêng biệt của tác giả, các nhân vật sống bên nhau, gặp gỡ nhau, gây thành những đề tài, gọi ra những hình ảnh biểu trưng và do đó, cuốn truyện dựng nên — hay dựng lại — một số huyền thoại. Huyền thoại trung tâm của cuốn truyện là quê hương. Quê hương với tất cả kỷ niệm. Hà Nội, Hải Phòng, là vàng, gió lạnh, những gì người đi đã để lại. Nhưng trước hết và sau cùng, quê hương là nơi mỗi người tha hương đều phải quay về, bằng niềm khao khát, bằng tưởng nhớ, và quê hương cũng đồng nghĩa với yêu người đàn bà ở quê hương đó. Yêu người yêu như yêu quê hương. Sau khi đã mất tất cả, sau mọi hao hụt và chết chóc đã chứng kiến, cái gì còn lại nơi tâm hồn Tâm? Cái còn lại là sự ràng buộc chàng với quê hương, là một người đàn bà, là Thanh (« Sự ràng buộc ấy là Thanh... Buộc vào quê hương phải là những người máu mủ với mình... Anh yêu quê hương vô cùng và anh yêu em vô cùng », trang cuối). Người ta rời khỏi thành phố Hà Nội với ám ảnh không nguôi về nó, về những gì nó chứa chất, càng ngày càng đậm đà, càng tha thiết. Như Durrell đối với thành phố Alexandrie. Huyền thoại quê hương này hiện nhiên không mới mẻ gì, vì nó đã tạo thành bao nhiêu truyền thuyết văn chương trên thế giới từ nhiều thế kỷ nay. Nhưng ở đây, Thanh Tâm Tuyền đã diễn tả quê hương với những nét sinh động đặc biệt, bằng những cảnh sắc cụ thể, bằng bầu không

NG. NHẬT DUẬT
MỖI TUẦN
ĐỌC MỘT
CUỐN SÁCH

nghe ngửi hiện thân sa đoạ của danh từ này nơi Đại, chàng thất vọng vì hân.

Khác hẳn với Đại là Bảo, một thanh niên chín chắn, an phận với vợ con, sống bằng nghề buôn bán, trong gia đình Bảo là một cảnh yên ả, bạn bè coi nhà chàng như một chỗ trú chân đây an ủi. Bảo là hình ảnh sống động của hạnh phúc tầm thường nhưng đáng mến.

Đã tìm thấy trong ngưỡng cửa của gia đình Bảo những ngày tết yên vui, sống trọn vẹn với tình bạn đơn sơ và cảm động của Bảo, ấy là Ngọc, con người phiêu lưu. Là bạn chung của Tâm và Bảo, Ngọc với tâm hồn phóng khoáng không câu nệ, làm phu thuyền vác ở bến Sáu Kho Hải Phòng. Chàng thỉnh thoảng lại viết thư về cho Tâm để thúc đẩy Tâm đi tìm tự do trong thú giang hồ, bỏ lại cho quê hương tất cả những ảo tưởng nhảm chán của tinh thần, tất cả chuỗi ngày buồn tẻ đang tiếp diễn. Ngọc, tượng trưng của khát vọng phiêu lưu vô bờ bến, tuổi trẻ nào chẳng chứa một hình ảnh Ngọc?

Còn Tâm, đầu là những kích thích của đời chàng? Chàng sống vật vờ, không nhất định. Chàng đọc sách Cộng sản, không đồng ý với Cộng sản nhưng cũng không bằng lòng đời sống mà chàng đang sống. Tâm thực chàng luôn luôn dẫn dắt, vô xé, bất mãn, nhiều ước mơ, nhưng cũng quá sáng suốt, nhiều tham vọng, nhưng lại dễ thất vọng, ngày ngày men đời mà lại hay chán nản, lãnh đạm, nhưng nói rất say sưa, cần có bằng hữu và tình yêu, nhưng lại không thông cảm được với ai. Đó là tâm trạng xung đột, đầy mâu thuẫn

« Bếp Lửa », truyện dài của Thanh Tâm Tuyền, An Tiêm xb, 1969, dày 127 trang, đề giá bán 80 \$.

VÔ PHIÊN

NHÌN VÀO VĂN CHƯƠNG



cái vui là cái mới

NÓI về Nguyễn Công Hoan, Vũ Ngọc Phan bảo là ông Nguyễn viết "một thứ văn rất vui, thứ văn mà có lẽ từ ngày nước Việt Nam có tiểu thuyết viết theo lối mới, người ta chỉ thấy ở ngòi bút ông thôi." (1)

Vậy Nguyễn Công Hoan là người đầu tiên viết truyện bằng giọng hài hước. Như thế, nguồn gốc của văn trào phúng ở ta cũng không xa xôi gì.

Sau đó, có Đỗ Phồn, có Sở đỏ của Vũ Trọng Phụng. Còn về thơ thì có Tú Mỡ.

Thời tiền chiến, chúng ta đại khái có bấy nhiêu người hay bốn cọt.

NHƯNG bốn cọt không phải là nét đặc biệt của sinh hoạt tiền chiến.

Về thi ca, Hoài Thanh và Hoài Chân không chịu thu nhập Tú Mỡ vào cuốn *Thi nhân Việt Nam*. Tú Mỡ là kẻ lạc loài, đứng bên lề cái hội thơ gồm những người u sầu. Ngay hồi đó, Hoài Thanh mô tả không khí thi ca thế này: «Đã có hồi người ta tưởng muốn làm thơ hay phải là người hay khóc và thì hẳn mỗi lần cầm bút là một lần phải an ủi khăn lau mắt lệ» — Nhưng buồn mãi cũng chán. Trên tao đàn Việt nam bỗng phe phẩy một ngọn gió yêu đời, tuy không thổi tan những đám mây sầu u ám, song cũng đã mấy lần nâng lên những tiếng reo vui. Người thanh tai sẽ nhận thấy trong những tiếng reo vui còn biết bao nhiêu vui sướng, nhưng đâu sao sự cố gắng đau đớn của cả

một lớp người đi tìm vui, cái cảnh ấy ới thấy mà chẳng động lòng? Than ôi! ngày vui ngắn ngủi, chưa được mấy năm nỗi buồn đã trở về, thăm đậm và nặng nề hơn xưa» (2) Nói đến tình cảnh ấy, giọng Hoài Thanh buồn ngùi cảm động. Bởi Hoài Thanh là người trong cuộc.

Hơn hai mươi năm sau, nhìn lại thời cũ, Xuân Diệu không có cái tình cảm ấy. Nhưng Xuân Diệu vẫn xác nhận ý kiến ấy của Hoài Thanh, «Năm trong hệ tư tưởng và hệ văn học của xã hội cũ, một lớp thi sĩ chúng tôi những năm 1932 — 1945 trước Cách mạng cũng đã từng nói với Lưu Trọng Lư:

Hãy để chiếc sao băng, băng mãi

Đề lòng buồn, buồn mãi khổ g' thôi.

Mà cái buồn, buồn mãi ấy không phải là không hấp dẫn. Chúng tôi đã buồn. lại còn đề tên đến nguyên tắc, nâng lên đến thiên lý: Bản chất của cuộc đời là buồn, dĩ nhiên là cuộc đời buồn. Rồi không nói đến cuộc đời nữa, tâm hồn tự xé lấy nó và đề lên nguyên lý: Bản tính tâm hồn là buồn, dĩ nhiên là tâm hồn ta buồn.» (3)

(Quả thực có ai đã đưa luận điệu lô bịch ấy chẳng, hay Xuân Diệu đã đi một đường vu cáo? Minh tự vu lấy mình, tự cười lấy mình?)

Điều ngộ nghĩnh là cái «ngọn gió yêu đời» «phe phẩy», là cái «tiếng reo vui» «đã mấy lần nâng lên» mà «kẻ thỉnh tai» là Hoài Thanh từng đề cập trước kia, hình như chính là đề chỉ vào Xuân Diệu đây. Chính ngọn gió phe phẩy ấy về sau tự phanh phui nổi rêu rĩ của mình!

Nổi rêu rĩ không bắt đầu từ thế hệ Xuân Diệu. Lớp trước cũng vẫn là một lớp người rêu rĩ: Nói khoảng những năm 1920, nhà thơ Tân Đà không hiểu cái sâu lẫn xuất từ đâu đến: «Từ vào thu đến nay, ngày cũng có lúc sầu, đêm cũng có lúc sầu... Sầu không có mới, cắt sao cho dứt; sầu không có khối, đắp sao cho tan...» (4)

BỜN cọt không phải là vui Chế giễu, mỉa mai, nhạo báng v.v... gây ra tiếng cười, nhưng không chứng tỏ một tâm trạng lạc quan. Cho nên nó cũng không có gì mâu thuẫn với cái sầu của thế hệ tiền chiến. Vừa sầu đậm sầu ngày vừa nhạo báng thiên hạ, được lắm.

Tuy nhiên, lớp trước đã không làm thế. Lớp ấy có tờ *Phong hóa*, tờ *Ngày nay* viết trào phúng, có Tú Mỡ, Đỗ Phồn v.v... nhưng tiếng cười không ồn ào lắm đâu. Trên các trang báo hài hước hồi ấy, trong các tác phẩm hài hước hồi ấy, chúng ta không gặp những từ ngữ mới dành cho bông đùa. Nếu sự bông đùa có một mức quan trọng nào trong sinh hoạt xã hội đương thời tất nó đã có phản ảnh trong ngôn

ngữ đương thời. Đàng này, chúng ta không tìm thấy dấu vết phản ảnh ấy.

Thơ Tú Mỡ, về nội dung, đề cập tới những chuyện mới, chuyện thời sự; nhưng ngôn ngữ của nó vẫn là cái ngôn ngữ của thơ Tú Xương, thơ Hồ Xuân Hương v.v...

Như vậy, trong sinh hoạt bấy giờ không có cái nhộn của bốn cọt. Cái bốn cọt không mâu thuẫn với cái sầu, nhưng nó cũng không tiến đi đôi với cái sầu chẳng? Người sầu trông nó có gì nham nhở, hay nham nhở khó coi chẳng?

TỪ Tú Xương tới Tú Mỡ, không có sự cách xa về ngôn ngữ. Nhưng từ Tú Mỡ tới Tú Kếu có sự cách xa. Ở Tú Kếu, có những tiếng nói mới:

«Hai ông kinh tế Phạm như Âu

«Ngọc vết còn an» cái khổ nào là (5)

«Ngon cái khổ nào», lối nói ấy Tú Mỡ không biết đến, Thân Đăng, Hà Thượng Nhân, gần đây hơn, cũng chưa đưa nó vào thơ. Nó mới ra đời; cùng với một số tiếng khác xuất hiện ló nhô trong ngôn ngữ trào phúng của thời đại. Sự xuất hiện hàng loạt của chúng để đáp ứng nhu cầu, chứng tỏ một nét đặc biệt của cuộc sống hiện tại: cái tập thể ngày nay phải nhận tới mức nào mới cần đặt ra thêm nhiều lối nói đùa như thế chứ.

Bốn cọt bấy giờ không bị xem là khó coi. Trái lại, bốn cọt thành ra một thời trang, tiếng nói bốn cọt thành ra tiếng nói thời thượng. Không nói được chuyện cái bang năm túi, phóng một chưởng, đi một đường v.v... có thể bị coi là một sự chậm trễ đáng nhẽ. Và không phải chỉ riêng ở đám trẻ ngã nghiêng đang đắm trong các phòng trà, tiệm nước: ngay đến những giáo sư đại học khả kính, cũng có khi đưa «sức mảy» vào cua cho nó hợp thời, không thấy sao?

LẤY nụ cười làm một cái mới đó là hiện tượng mới mẻ chứ.

Mỗi ngày nào chúng ta còn lấy «mảng khăn lau mắt lệ» làm mới; lớp đàn anh ấy hãy còn sống để trông thấy lớp em đôi sầu làm vui.

- (1) Nhà văn hiện đại, quyển 4, tập hạ, *Thăng long xuất bản, Sài Gòn, 1960, in lần thứ III, — trang 1069.*
- (2) *Thi nhân Việt Nam, in lần thứ 2, 1943, Nguyễn Đức Phiên xuất bản, trang 135.*
- (3,4) *Thơ với cuộc sống, Thơ với thực tế, đăng trong tạp chí Văn học (Hà Nội), số 9-1965, trang 61.*
- (5) *Rêu rĩ, đăng trên Khởi Hành số 28.*

khí ngày ngất hơi lạnh của mùa đông Hà Nội. Quê hương nơi Thanh, tất cả Hà Nội với Thanh và hơi ấm của bếp lửa hồng, bếp lửa nhóm lên bởi kỷ niệm nằng, bởi tâm hồn kẻ nhớ nhưng mơ ước đang mong kết lại một ràng buộc đã cũ với quê hương. Và song song với huyền thoại quê hương là tương phản của nó: huyền thoại phôi lưu. Một sớm ra đi, dứt khoát, với vã, bỏ lại hết, kể cả một lời từ biệt. Ra đi cho thỏa cái tình giang hồ lang bạt, thú vô cùng và bất định của người khách viễn du thường trực: Ngọc, kẻ mở rộng tâm hồn để đi tìm những khùng trời mới, lập lại huyền thoại về một «quê hương khác» của Rimbaud, của Rilke... Tác giả khai triển đề tài: cô độc — «Chúng ta là những người sinh ra để đi một mình suốt đời» (trang 126) niềm cô độc trong một thế giới trống trải, không còn một cơ hội cho cảm thông, cho giao cảm thành tựu (giữa Thanh và mọi người, giữa ông Chính và Tâm), vì có gì ràng buộc mọi người với nhau đâu, nếu không là quê hương, một quê hương chỉ khi xa mới thấy! Nhưng quê hương đó; bếp lửa; các nhân vật sống với nhau ở Hà Nội đã không nhóm lên được (không khí tình thân của cuốn truyện quá lạnh lẽo như không khí mà đây HN); phải khi vào Nam, Tâm mới thấy cần nhóm lên bếp lửa chưa có đó. Phải chăng quê hương thực chỉ là một mơ ước? Một đề tài khác bằng bạc khắp cuốn truyện là ảo tưởng trong đời sống: ảo tưởng cách mạng của Bảo, ảo tưởng hạnh phúc của Thanh, của Hạnh, ảo tưởng quê hương khác của Ngọc, ảo tưởng, ảo tưởng cộng sản của Đại, của Françoise, ảo tưởng cảm thông của ông Chính...

Toàn thể cuốn truyện đắm chìm trong một điệu nhạc, điệu nhạc tạo nên sự hòa hợp giữa các nhân vật phản tấn và lẻ loi, hòa hợp giữa các huyền thoại đối lập, các đề tài khác biệt, ấy là điệu nhạc «Trở về mái nhà xưa» mà Thanh hát, được tác giả nhắc lại nhiều lần. Tất cả trong cuốn

truyện, đúng thế, đều trở về với một chân trời chung. Điều đáng chú ý là câu văn của tác giả thường rất ngắn, cụt ngủn, và giữ «câu mô tả, giữa những câu kể chuyện, cũng như giữa các câu đối thoại, luôn luôn có khoảng trống, có một quãng cách, như một khe hở qua đó gió lạnh thổi ùa vào, tạo nên một không khí giá buốt trong toàn cuốn truyện: Sự giá buốt của những con người đơn độc và những tâm sự lẻ loi. Đó là một đặc điểm hiếm có về bút pháp, làm nên sự thống nhất cho cuốn truyện, một cuốn truyện trong đó không nhân vật nào hoàn toàn dự phóng của mình. Tâm: ra đi trong tuyệt vọng, Thanh: chờ đợi trong đơn lạnh, Đại: chạy trốn thực tế một cách đơn hèn, Ngọc: phôi lưu vô định, Nhiên: bị đày từ Bắc Ninh đi Nam Định, Bảo: mắc kẹt ở chân, ... Tất cả đều lơ lửng, đều thiếu sót và nhát là đang dở như cuộc đời của Tịnh. Cuốn truyện với những dở dang, với những mơ ước chưa thành, với hứa hẹn những gì khác nữa.

Cuốn truyện mà tác giả nhìn nhận là «mơng manh, non nớt và chưa thành hình dáng» trong lời tựa cho những lần xuất bản thứ hai và thứ ba này. Cuốn truyện «Bếp Lửa» được viết ra khi tác giả «không muốn là một nhà văn» (trang II, lời tựa). Đề rồi «bấy giờ hẳn ba mươi tuổi, hẳn vẫn quay tròn như một mặt trời to đùng rỗng, không làm được gì hơn ngoài một lựa chọn — khổ khăn và buồn tẻ — trở thành nhà văn» (trang II, lời tựa). Sao lại «Khó khăn và buồn tẻ», cuộc lựa chọn trở thành nhà văn đó? Vì «Không thể lực và hèn mọn như một người». Bởi «Một nhà văn bị đắm ngập trong thời đại và xã hội của mình». Ý thức về văn chương đã trở thành — nơi tác giả «Bếp Lửa», sau «Bếp Lửa» — ý thức về nỗi khổ khổ của con người trong lịch sử. Văn chương không còn sứ mạng nào nữa,

không còn quyền năng nào nữa, trong xã hội này, trong thời đại này. Thế nên, khi lấy lại «sự bình tĩnh ý thức», gạt bỏ những kiểu hành vi lý của nhà văn xưa kia, Thanh Tâm Tuyền nhìn nhận rằng bây giờ «Tiếng nói của văn chương chỉ là những lời thầm thì giữa hồn đơn của lịch sử, lời cô đơn không sức mạnh bị lấn áp ở mọi phía» (trang III, lời tựa). Người ta phải suy nghĩ và tự hỏi cũng như hỏi xã hội: xã hội đã tiến lên hay lùi lại đến mức nào mà xô dồn nhà văn tới tới cảnh hèn mọn, tầm thường đó? Khi văn chương chỉ còn là những lời tâm sự, không phát biểu được một sự thật đáng kể nào về xã hội, thì người ta phải hiểu là tại xã hội hay tại nhà văn muốn thế? Tiếng nói văn chương, «giữa những dở dở và xáo trộn thách thức», chỉ còn là «tiếng nói để tìm kiếm bề bộn và quê hương». Tìm kiếm ở đâu? Ở trong sự khuất phục của con người trước định mệnh, «Định Mệnh của một thế hệ, những người còn sống là kẻ sống sót». Còn những người chết, bọn chúng đã đi trong thống khổ của lịch sử tới cái chết, cái chết như sự từ chối quyết liệt» (trang VII, lời tựa). Nhà văn nói cho những kẻ đã chết trong sự tầm thường đó, vì «một nhà văn chính là một kẻ sống sót» (câu chốt, lời tựa). Phải chăng đây là những lời thú nhận bất lực của nhà văn? Là sự thoái vị của văn chương quay lưng lại với quyền năng mặc khải và truyền đạt? Hay trái lại, đây là thách đố của văn chương trước những ý nghĩa vớ vẩn của đời sống và những chức phận được xã hội ấn định một cách độc đoán cho tác phẩm văn chương? Suy nghĩ về những vấn đề đó là suy nghĩ về yếu tính của văn chương, thực vậy, và có thể coi lời tựa cho «Bếp Lửa» là lời mời gọi vừa tha thiết vừa kiêu hãnh, hướng về ý thức của người đọc. Δ

MỘT trong những nguyên lý bất di của cuộc sống là; bằng mọi phương pháp, dưới mọi hình thức con người luôn luôn tìm tới thể quân bình, ổn định để được sống yên vui và hạnh phúc. Chiến Tranh chỉ là phương tiện, Hòa Bình mới là cứu cánh. Làm cách mạng, đấu tranh chống áp bức, chống bất công là để làm gì? Để có công bằng, tự do, dân chủ, những yếu tố cần thiết cho một cuộc sống yên vui và hạnh phúc. Cho nên nói đến đấu tranh, nói đến cách mạng là nói đến hưởng thụ, không phải thứ hưởng thụ ích kỷ, chỉ hạ thấp phẩm giá con người, mà là một thứ hưởng thụ hợp tình, hợp lý, không có, không được, thứ hưởng thụ coi như phần thưởng, như kết quả của những cố gắng, những gian lao mà mình đã trải qua trong dĩ vãng. Trồng cây là để ăn quả, để có bóng mát, đi là để tới, để nghỉ ngơi. Sự hưởng thụ sẽ chỉ bi đỗi, chỉ đáng phỉ nhổ khi nó không tương xứng với những cố gắng, những gian lao của mình. Sự thực tầm thường đó, ai cũng thấy rõ. Người Cộng sản, nhất là người Cộng sản trong các cấp lãnh đạo, không phải là người tầm thường, vì họ làm cách mạng. Nhưng người Cộng sản không thấy rõ điều đó.

KHÍ hiệp định Gio-neo vừa được ký kết, trung ương đảng đã vội đề cao khẩu hiệu "Hòa bình không phải là thái bình" rồi lập tức phát động phong trào cải cách ruộng đất. Tại sao Hòa bình không phải là Thái bình và tại sao đảng Cộng sản Việt nam lại lo sợ Hòa bình đến như vậy?

NGƯỜI lính dù là người lính Cộng sản đi chăng nữa—đã ẽ chề, đã hy sinh đủ thứ trong 9 năm trời ròng rã, lúc nghe tin đình chiến nghĩ gì và muốn gì? Hẳn là họ phải nghĩ đến quê nhà, đến cha mẹ, vợ con, anh em, họ hàng, nghĩ đến việc xây dựng một cuộc sống ổn định. Là dân cây, họ nghĩ đến ruộng nương, là thợ thuyền họ nghĩ đến nhà máy. Họ đã phải làm anh hùng, làm chiến sĩ đảng đảng bao nhiêu năm. Bao nhiêu năm, tinh thần của họ luôn luôn bị căng thẳng. Ai cũng thích làm anh hùng, làm chiến sĩ nhưng chỉ làm anh hùng, làm chiến sĩ tự nguyện trong những trường hợp nào đó, vào khoảng thời gian nào đó, chứ ít ai bị cưỡng bách làm anh hùng, làm chiến sĩ từng giây, từng phút suốt cả đời người. Lúc nào cũng xung phong, cũng hy sinh, cũng "một người làm việc bằng hai", chịu thế nào thấu, sống thế nào nài? Thông thường con người mong được sống tầm thường, nhưng bình thường. Cứ lằng xằng suốt ngày mặc đại phục, suốt năm nói những câu rỗng tuếch, ời cái thứ lãnh tụ có to ra mình quan trọng, khác người ấy, còn có gì chán ngấy cho bằng. Hitler, Staline, ông Mao Trạch Đông, cả ông Hồ trước đây nữa, hẳn có nhiều phút trở về sống chân thật với mình, tôi nghĩ chắc họ đã phải tự cười mình trước khi cười cái đám cán bộ chạy đông, chạy tây như một đàn múa rối.

Ở Việt Nam, phần lớn những người có học đều có tiền. Vậy những người có học, đồng thời cũng là người có ruộng có tiền là tiêu biểu cho nền luân lý cổ hủ của dân tộc. Dân dù thất học, vẫn tin tưởng nơi họ, noi theo họ mà sống cho hợp lẽ Trời. Lẽ Trời, theo đảng, là chủ nghĩa Cộng sản. Thay giá trị cũ bằng giá trị mới, thay luân lý cũ bằng luân lý Cộng sản, không đánh ngã gục bọn trí thức thì còn đánh ai?

Triệt hạ trí thức, đồng thời là phú nông là triệt hạ luân lý đạo đức, cổ truyền của dân tộc. Dân, trước kia về vật chất đã đi trước đoạt đến mảnh đất cuối cùng, bây giờ, về tinh thần, còn một chút "của riêng" luân lý, đạo đức cũ cũng bị triệt hạ nốt. Họ hoàn toàn trở thành người vô sản, vô sản cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhưng triệt hạ trí thức phú nông bằng những phương pháp thông thường như nhà tù, trại giam không đủ. Phải gây một xúc động mạnh mẽ để lưu lại một ấn tượng

hài hùng trong mỗi một người dân. Phải gán cho trí thức, đủ tinh đủ tội, phải dùng mọi hình thức bắt mỗi người dân khi nghĩ đến người có của, tất nhiên có học, dù ít dù nhiều là nghĩ đến bọn người đại gian, đại ác. Kề tiêu biểu cho giá trị luân lý, đạo đức của dân tộc là đại gian, đại ác thì dĩ nhiên thứ luân lý, đạo đức ấy cần phải tẩy trừ. Đây là mục đích chính của cuộc cách mạng thổ địa đã tiến hành ở miền Bắc.

SAU ngày đình chiến, cán bộ, binh sĩ cũng như dân đều muốn nghỉ ngơi, hưởng thụ. Đảng không thể nghỉ ngơi hưởng thụ. Đảng phải tranh đấu. Tranh đấu với ai? Với Pháp để giành độc lập? Thì sau 9 năm đổ bao nhiêu máu, đảng đã cấu kết với Pháp cắt đôi đất nước, chấp nhận một nền độc lập què. Chỉ còn tranh đấu giai cấp. Ở nước Việt Nam nghèo nàn này tìm đâu ra

PHẠM XUÂN NINH



căm thù, một khi giới

giai cấp tư bản mà tranh đấu. Đảng phải tạo ra tư bản. Tư bản là người có ruộng đất. Hai mẫu ruộng cũng là tư bản. Không Cộng sản là tư bản. Dù tất cả đã đầu hàng, đảng vẫn không thể chấp nhận sự đầu hàng giản đơn như vậy được. Đầu hàng phải có máu đổ, thật rơi, phải "kinh thiên động địa". Có thể sự căm thù giai cấp mới sâu sắc. Có thể mới thúc giục đảng viên, cán bộ đấu tranh quyết liệt. Kề thù bây giờ là địa chủ, phú hào. Mũi nhọn bây giờ chĩa về phía đó.

TÔI đã đọc một bài thơ miền Bắc tả một đứa bé 7,8 tháng, con địa chủ (Tôi chẳng hiểu tên địa chủ này có bao nhiêu ruộng, đã tàn ác đến đâu) cha mẹ đứa bé đã chết vì đấu tố. Nó nhỏ quá để có thể hiểu rằng chế độ này không phải là chế độ của nó, nó, bởi là con địa chủ, nó không còn ở trong thế giới loài người. Nó cũng không được thuộc thế giới loài vật. Bởi con chó, con mèo con dơi ta còn cho cơm cho sữa. Khi đứa bé đói, hay khóc, không ai được quyền cho ăn, cho bú. Thương nó là phản lại giai cấp. Tinh thương, trong tự điển Cộng sản đã đổi ý nghĩa rồi. Cán bộ giáo dục Nguyễn sỹ Tý trong bài "Năm vững mục đích giáo dục của nhà

trường xã hội chủ nghĩa" đã nhắc lại lời nói của lãnh tụ Lê Duẩn: "Nói đến rèn luyện con người trước hết là nói giáo dục lòng nhân ái của con người, vì lòng thương người là đạo lý của cuộc sống, là đạo lý làm người". Ông sợ cán bộ cấp dưới ngộ nhận về đạo đức, về lòng thương của người Cộng sản nên viết thêm đề cập nghĩa: "Lòng thương người ở đây là lòng thương người cùng giai cấp. Thương người lao động chứ không phải thương bọn bóc lột, bọn áp bức, bọn phản cách mạng".

TIỂU diệt luân lý đạo đức cũ rồi, thanh lọc nội bộ rồi, đảng còn phải làm gì nữa? Tất nhiên là đảng phải nhồi nhét luân lý đạo đức Cộng sản. Đảng nó là giáo dục đảng tính. Sau này cán bộ giáo dục Nguyễn sỹ Tường nói rõ hơn: "Nói tóm lại, nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải nắm vững mục đích giáo dục của ta là đào tạo thế hệ trẻ thành những chiến sĩ cách mạng, biết sống theo chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phấn đấu vì chủ nghĩa xã hội, vì chủ nghĩa quốc tế vô sản, tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, và đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại hiện đại, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin". Qua câu nói đó, đã rõ rằng, các bạn miền Bắc và những đồng chí dân anh của các bạn là Cộng sản Trung Hoa sợ hai thứ: chủ nghĩa xét lại và quốc Mỹ. Tại sao lại sợ xét lại? Khi các người Cộng sản hòa theo nhau mà rêu rao tôn giáo là thuộc phiên của linh hồn các người có bao giờ nghĩ đến lúc các người tin và bắt kẻ khác tin vào những điều mà các người không cần chứng minh hay không thể chứng minh được không? Tôi không nói chủ nghĩa Mác lỗi thời. Tôi chỉ nói Mác đã sống cách chúng ta hàng trăm năm, trong một hoàn cảnh lịch sử khác xa hoàn cảnh lịch sử của chúng ta hiện nay. Các bạn không tin ở thánh thần. Vậy Mác cũng chỉ là một người. Những điều Mác nhìn, Mác nghĩ đúng vào thời đại đó, lúc này rất có thể cần phải xét lại. Thế mà các bạn chống phong trào xét lại. Đủ thấy các bạn cố chấp, thủ cựu đến bậc nào!

CÁC bạn chống đế quốc. Tôi tự hỏi: xua quân sung Bắc Việt, chiếm Tây Tạng, khuấy rối Ấn Độ, liệu Trung Cộng có là đế quốc không nhỉ? Và các bạn, các bạn thợ tay vào Lào quốc, vào miền Nam chúng tôi bằng đủ mọi hình thức, các bạn có phải là đế quốc không nhỉ? Nhưng thôi, đây không phải là chỗ chúng ta tranh biện ai là đế quốc, ai không là đế quốc. Tôi chỉ ghi nhận một điều, sau mấy trái bom của chúng tôi, các bạn đang sợ, hết sức lo sợ. Nhà lý luận Song Hào khi viết: "Trong khi giải quyết mối quan hệ giữa chính trị và kỹ thuật chúng ta cần đặt tăn luận điệu đề cao vũ khí, súng bái vũ khí, nhất là vũ khí hạt nhân..." chắc biết hơn ai hết sức tàn phá ghê gớm cũng như giá trị quyết định của những thứ vũ khí ấy. Chúng tôi không coi thường giá trị của con người, nhưng chúng tôi không ngoảnh mặt trước sự thật. Sự thật là các bạn lấy căm thù làm khí giới. Không khí ngọt ngào căm thù, nghi kỵ bao trùm miền Bắc Việt Nam. Sự thật là qua tạp chí Học Tập, cơ quan lý luận và chính trị của đảng lao động Việt Nam số 107, tháng 12 năm 1964, đảng và chính phủ của các bạn đang xô dân vào ngõ cụt: triệt để khai thác sức lao động của họ để phục vụ đảng, phục vụ chiến tranh. Ở bất cứ bài nào người ta cũng thấy lập đi, lập lại luận điệu quân triệt sâu sắc đường lối của đảng, không "chia xẻ quyền lãnh đạo với các giai cấp khác", "mỗi người làm việc bằng hai", nhưng ở đâu, dù ở lãnh vực nào, quân sự, kinh tế, cũng như văn hóa, các tác giả đều giở thủ nhận tình trạng không mấy khả quan. Điều đó, không có chi lạ. Gần 50 năm Cách mạng vô sản thành công ở Nga, số đảng viên Cộng sản, so với dân chúng vẫn là tỷ thiếu số. Hai mươi năm chiến tranh, 10 năm xây dựng chế độ, nhân dân miền Bắc vẫn không có gì khác hơn là sự bất ổn về tinh thần và sự thiếu thốn về vật chất.



SỰ ĐUỔI BẮT KHÔNG CÙNG

truyện ngắn LÝ HOÀNG PHONG

Tiếng la của thằng nhỏ thúc hẳn dậy. Hân chồm ra ngoài phía bếp, chụp lấy cái xô, chạy vào phòng, nâng thằng bé dậy, kéo quần nó xuống. Thằng bé dựa người vào vai hân dài xuống xô. Xong nó nằm ngay xuống giường, nhắm mắt ngủ. Hân đặt cái xô xuống dưới gầm giường, ngả người xuống. Hân nhìn về phía cửa sổ nơi phòng ngoài. Hình như trời sắp sáng. Hân xây nghiêng người, cố tìm lại giấc ngủ. Hân chợp đi một lúc, mở mắt ra thì đã nghe tiếng xe chạy ngoài đường phố. Bên cạnh hân, thằng bé vẫn còn ngủ say. Hân bấm cây đèn ngủ, cầm tờ báo đặt bên gối, mở ra. Hân đọc những tin tức chính trị ở trang đầu và đọc qua bài xã luận. Hân lật vào trang trong đọc những tin trong nước và những tin văn đỏ thành.

Hân đặt tờ báo xuống, suy nghĩ lan man một lúc rồi rời khỏi giường, đi ra phía sau. Hân thấy vợ hân ngồi giặt đồ bên bể nước. Hân đến nơi bếp, châm lửa vào lò, bắt một ấm nước. Hân cầm cái khăn lớn ở dưới chân xô vào trong cái xô, đặt vào nơi vòi nước, vặn nước cho gần đầy rồi ra đứng trước. Hân nói với đứa con lớn đang ngồi làm bài nơi bàn học: «đi mua bánh mì đi». Hân đặt cái xô nước xuống, cầm cái khăn ở trong vắt nước và bắt đầu lau nhà. Hân lau từ nhà ngoài ra đến bếp. Thằng con hân đi mua bánh đã về. Hân mở một hộp cá nhệ đưa cho nó. Thằng nhỏ để bánh và hộp cá

trên cái khay mang ra đứng trước. Hân đến nơi vòi nước, rửa mặt và đánh răng. Nước đã sôi. Hân súc cái bình nước, bỏ vào trong một nhúm trà rót nước nóng vào. Hân đợi một lúc rồi rót nước trà vào một cái tách, ngồi xuống trên một cái ghế đầu, hóp từng ngụm. Thằng bé lại la lên ở trong phòng. Hân chạy vào còi quần cho nó và đặt nó xuống trên cái xô. Hân trở ra uống cạn tách trà. Thằng nhỏ ở trong phòng đi ra. Hân đưa nó đến nơi vòi nước rửa dĩa, vào trở lại lấy cái quần ra mặc cho thằng bé. Rồi hân trở lại trong phòng, cầm cái xô đưa ra sau nhà cầu. Vợ hân nói: «Anh cho thằng Bé uống thuốc đi». Hân trở vào đến nơi tủ thuốc, lấy cái gói nhỏ, đổ một thứ bột xam xam vào trong cái ly rót vào một tí nước lạnh, đem ra ngoài trước.

Thằng nhỏ đang say ngủ trên đi văng. Hân đập vào đùi nó cho đến khi nó mở mắt. Hân kéo nó ngồi dậy, đưa cái ly vào miệng cho nó uống rồi đặt nó nằm xuống. Hân trở vào phòng, mặc áo quần, còi lên xe gắn máy, ra đi.

Hân gặp Hoàn trước cửa tòa báo. Hoàn nói: «Hình như ông chủ bút muốn nói gì với anh». Hân vào tòa soạn đến nơi bàn Duy, hỏi: «Cái gì vậy». Duy nhìn hân với vẻ mặt sa sầm, chỉ xuống tờ báo trên mặt bàn, hất hàm: «Cậu viết bài gì kỳ vậy». — «Thế nào». — «Cậu viết vậy không sợ đụng chạm

sao». — «Nhưng sự thật là như vậy». — «Tôi có báo cậu viết sự thật đâu». — «Nhưng, nhưng...». — «Cậu nên nhớ là cậu đến đây không phải để tìm sự thật». Hân như sực tỉnh, gục đầu, nói nhanh: — «Tôi quên mất. Tôi cũng không hiểu tại sao tôi viết như vậy. Có lẽ vì hôm qua mệt quá». Duy nhún vai: — «Ồ quên, quên...».

Hân ra ngoài tiệm hủ tiếu, kêu một tô mì và một cái cà phê nhỏ. Hân ngồi xoay lưng ra ngoài nơi cái bàn ở góc trong. Làm thế nào để có thể khỏi quên, khỏi quên. Làm thế nào để nhớ luôn luôn là mình kiểm ăn chứ không phải đi tìm sự thật. Làm thế nào để nhớ luôn luôn như vậy, suốt đời, kiểm ăn, kiểm ăn. Làm thế nào để quên lãng sự thật, quên lãng sự thật. Vợ hân thì lại nói khác: «Anh lúc nào cũng sống trong mây. Anh không bao giờ biết sự thật là cái gì». Ông chủ bút nói cũng đúng, vợ hân nói cũng đúng. Hân không bao giờ biết sự thật là cái gì. Hân phải kiểm ăn chứ đừng đi tìm sự thật. Không bao giờ biết sự thật là cái gì. Hân không phải là một đứa con nít. Thế nhưng hân không thể nào nhớ mãi được. Một lúc nào đó hân sẽ lại quên đi. Có lẽ hân lại phải đổi việc. Thế nhưng có việc gì mà không một lúc nào đó, quên đi.

Hân ăn tô mì, uống cà phê rồi trở về. Hân ngồi vào bàn, trước cái máy chữ. Hân lấy mấy tờ báo ngoại quốc trong cái sơ mi trên bàn, cầm đọc. Hân nhìn cái hình của Mao Trạch Đông, cái trán cao, đôi mắt lộ lộ.

Hân nhìn cái mặt vườn vắng, bất động và nghĩ: «con người này chắc không bao giờ quên». Hân đọc xong mấy bài báo rồi lấy giấy bỏ vào máy, bắt đầu đánh. Hoàn đến bên cạnh hân hỏi: «Anh viết cái gì đó». Hân nói: «công xã nhân dân». Giữa bài viết hân dừng lại nhìn vào mấy bức hình trên tờ báo mở ra trước mặt. Hân nhắm mắt lại và thấy những đoàn người mệnh mông, lúc nhúc như sâu bọ và trên đoàn người đó là con người vĩ đại không bao giờ biết quên. Và bỗng nhiên con người vĩ đại ngã xuống chết, chết như mọi người, trở thành bộ xương, và đoàn người tan biến đi. Hết, không còn cái chủ nghĩa đó nữa, và hân được giải phóng, hân khỏi phải mãi mãi nghĩ đến nó. Làm sao có thể không quên đi, quên lãng, quên lãng bởi vì thực tại là một cái gì không thể nào cầm nắm được *rong tay như một đồ vật, nó tan biến đi trong nắm tay như khói mù. Hân cúi xuống bàn máy, tiếp tục đánh nốt bài báo.

Quá trưa, hân ghé đến tiệm cơm và gặp Hoat ở đấy. Sau bữa ăn, Hoat hỏi hân: — «Hồi này không thấy cậu viết gì?» Hân nói: — «Tôi viết mãi một cái truyện không xong». — «Truyện gì?» — Hân suy nghĩ một lúc: — «Tôi không biết phải gọi nó là truyện gì. Tôi cũng chưa đặt được đầu đề. Tôi đã có cốt truyện. Nhưng khi tôi viết nó ra rồi thì không phải như vậy. Thật ra tôi muốn viết về cuộc chiến tranh này». Hoat lắng nghe, không nói gì. Hân mỉm cười nói tiếp: — «Viết truyện là một sự đuổi bắt không cùng. Lúc đầu mình chỉ muốn nói đến một sự việc. Nhưng nó lại dẫn dắt mình đến những chỗ không ngờ. Viết về cuộc chiến tranh này thật mệnh mông.»

Hoat ra đi. Hân ngồi lại với ly cà phê đã

MỘT ĐOẠN VĂN NGẮN CỦA NIKOS KAZANTZAKIS



SÂN HẸP

HAI người đàn bà đi vào, câu chuyện đổi khác. Ngọn lửa được khơi sáng lên; ngày ngoài trời đã sáng. Một đám nhỏ vui cười chạy trong sân trước nhà chơi trò cút bắt.

Jesus cười hỏi một trong hai người vợ: «Mary, chúng ta có đồng con vậy à?»

Và hỏi người vợ kia: «Martha, sân đây con. Chúng ta nên sinh thêm cho đông vui nhà hay nên ngừng lại?»

Martha đáp: «Nên sinh cho đông nhà nữa.»

— «Tụi chúng leo trèo lung tung như thê chuột và sóc. Mary à, như vậy chúng ta đã tuyên chiến được với tử thần. Cầu phúc cho những cơ quan của người đàn bà! Chứa đầy những mầm trứng, như loài cá, mỗi trứng là một con người. Tử thần làm sao mà thắng ta nổi!»

— «Vâng, tử thần làm sao mà thắng được ta. Minh ơi, mình cần thận nghe, giữ gìn sức khỏe.» Mary dặn. Jesus đang vui, muốn đùa chọc vợ. Với lại Mary sáng sớm nay đã làm vui lòng người hết sức. Bây giờ lại đứng chải tóc trước mặt người. Jesus nói:

— «Mary, em có hồi nào nghĩ đến tử thần không, em không cầu xin ơn Chúa à, em không lo nghĩ khi qua thế giới bên kia mình ra thế nào sao?»

Mary lắc mở tóc dong đưa và cười nói:

— «Đấy là chuyện đàn ông lo. Em chỉ cầu xin ân huệ ở chồng thôi. Em không gò cứa Chúa cầu xin những niềm vui vĩnh cửu của Thiên đàng như một kẻ ăn mày đâu. Em chỉ ôm giữ người đàn ông em thương yêu chứ không ao ước thiên đàng nào khác. Để những niềm vui vĩnh cửu lại cho đàn ông lo!»

Jesus khẽ âu yếm vuốt đôi vai trần của Mary và nói:

— «Đề cho đàn ông lo à? Em yêu quý, mặt đất chỉ là một cái sân hẹp. Làm sao em lại chịu giam em quanh quẩn trong cái sân đó và không màng tìm lối thoát ra?»

— «Mình là giáo trưởng, mình cũng biết rằng đàn bà chỉ hạnh phúc trong những giới hạn. Người đàn bà là một bề chứa chứ không phải là một nguồn suối.» Martha chợt ở ngoài chạy xô vào...

— «Có kẻ đang tìm nhà chúng ta...»

NGUYỄN KIM PHƯỢNG

Trích trong The Last Temptation of Christ

ngươi. Quán đã vắng hẳn, chỉ còn một mình hẳn. Câu truyện lại trở về với hẳn. Những nhân vật, những hình ảnh quen thuộc lại hiện ra, và bắt đầu hoạt động trong trí tưởng hẳn. Hẳn nghe một tiếng nói rõ ràng: — "Tôi không ngần ngại nói lên sự phi lý của cuộc chiến này. Tôi chấp nhận sự phi lý trong lúc chiến đấu. Tôi khác anh. Tôi không tự dối tôi. Tôi không tự bịt mắt trước thực tế của cuộc sống mà tôi thấy được. Có lẽ tôi đau khổ hơn anh nhưng tôi còn hy vọng tìm được sự thật."

Có phải như thế chẳng. Có phải nhân vật đã nói, phải nói như vậy. Còn nhân vật đối diện, sẽ nói thế nào, sẽ nói thế nào? Hẳn biết gì về cuộc chiến này. Ngoài những bài báo, những tin tức, những lời tuyên bố, những lời bình luận, phán đoán, tiên tri, và sự im lặng của những xác chết. Hẳn không bao giờ biết hết được. Mỗi ngày hẳn ngụp lặn, chìm đắm giữa những tin tức, những bình luận, những tuyên bố, những phê phán, những tiên tri đó, thế nhưng hẳn đã biết được gì?

Ngoài đường ánh nắng đã dịu. Hẳn tự hỏi không biết phải mượn ai số tiền để tiêu đến hết tháng. Hẳn nhớ đến những số nợ phải trang trải. Hẳn trả tiền cơm, tiền xe, trở về tòa soạn. Hoàn còn ở đây. Hẳn hỏi mượn Hoàn số tiền dự tính. Hẳn thấy nhẹ hẳn người khi Hoàn chịu cho hẳn vay đủ số. Bỏ tiền vào túi, hẳn thấy lúc này là cơ hội để hẳn đi mua một cuốn sách hẳn định mua từ lâu. Hẳn lên phố, thả bộ dọc theo những hàng sách. Hẳn nhìn thấy nhiều cuốn sách mới mà hẳn chưa nghe nói tới và hẳn không hiểu khi nào hẳn mới mua được, và đọc được. Đến khi thấy được cuốn sách hẳn định mua, hẳn lại ngần ngại không muốn mua nữa. Hẳn tự hẹn thời để tháng sau.

Về đến nhà hẳn thấy vợ đang nấu cơm nơi bếp. Hẳn đưa số tiền cho vợ. Vợ hẳn hỏi: "Thế còn tiền trả nợ?". Hẳn nói: "Để tính sau". Hẳn vào phòng, thay quần áo, nằm xuống giường, cầm cuốn sách đọc dở đặt bên gối lên. Hẳn đọc hết những trang còn lại. Khi hẳn trở dậy ra ngoài trời đã tối. Thăng con lớn của hẳn đã đi học về. Hẳn còi áo quần hai đứa con nhỏ của hẳn, tắm cho chúng nơi cái vại nước. Vợ hẳn đã dọn cơm lên bàn.

Sau bữa cơm, vợ hẳn dỗ mấy đứa nhỏ đi ngủ. Mấy đứa nhỏ đã ngủ. Hẳn đến ngồi bên cạnh vợ trên di văng. Vợ hẳn hỏi hẳn mượn tiền ai. Hẳn kể lại chuyện mượn tiền cho vợ hẳn nghe. Thăng nhỏ đang ngủ đái mế trên di văng. Vợ hẳn đi ra sau lấy khăn lau. Hẳn đứng dậy, ra phòng ngoài, ngồi xuống nơi bàn viết. Hẳn ngồi một lúc trước bàn máy chữ, cố gắng dự tính những điều hẳn sẽ viết trong những trang tiếp theo của cuốn truyện. Hẳn nhớ đến câu nói của một nhân vật trong truyện hẳn đã nghe vọng lên khi hẳn ngồi trong quán sau bữa cơm trưa. Hẳn bắt đầu đánh lên trên mặt chữ.

Đến khuya hẳn được ba trang giấy. Hẳn đã thấy mệt mỏi. Hẳn cầm lấy mấy trang giấy và đọc lại. Hẳn thấy thất vọng. Những giọng nhạt nhẽo, vô vị. Hẳn mở cái kẹp giấy lấy ra tất cả những trang hẳn đã viết được và đọc lại từ đầu. Hẳn đọc nhanh, vô vấp những giọng chữ. Đọc hết câu cuối cùng, hẳn đặt cả xấp giấy lên bàn máy dựa người ra đằng sau lưng ghế. Hẳn đã không nói được những gì hẳn muốn nói về cuộc chiến tranh này. Hình như càng đi tới, hẳn lạc dần giữa những mê lộ. Hẳn không còn nhận được phương hướng. Hẳn sa lầy và mất tích. Hẳn nhớ lại câu hẳn nói với Hoat: "viết về cuộc chiến tranh này thật mê mông". Nhưng hẳn vẫn không mất tin tưởng một khi nào đó hẳn sẽ cầm bắt được điều hẳn theo đuổi và đối với hẳn thì đó là lúc hẳn tìm gặp được hòa bình, hòa bình trong tâm trí, đối với người đang chiến đấu cũng như người đã chết. Hòa bình bởi vì sự thật đã được trông thấy.

Hẳn bước ra sân, đến dựa người vào cánh cửa ngõ, nhìn ra ngoài. Đêm yên tĩnh làm dịu những xao động trong trí tưởng hẳn. Hẳn trở vào nhà, tắt đèn và nằm xuống giường, bên cạnh đứa con hẳn đang ngủ say. Trong bóng tối, hẳn nằm mở mắt, dần dần cuốn truyện lại trở về với hẳn và những nhân vật, những hình ảnh lại bắt đầu hiện hiện như một cuốn phim trên màn bạc. Mí mắt hẳn mỗi lần, hẳn nhắm mắt lại, và đến lúc hẳn sắp chìm vào giấc ngủ, trong một tiếng nổ v: n: z động và một tia chớp sáng chói, hẳn tưởng như đã vượt ra khỏi bức tường của tâm tưởng và đã cầm nắm được sợi giây của sáng tạo, cũng chính trong giây phút đó, hẳn hiểu rằng, cái được tại mà hẳn tìm kiếm hẳn chỉ có thể đạt tới trong giây phút ngắn ngủi và nơi biên giới mong manh đó của đời sống và sự đuổi bắt của hẳn vẫn là một sự đuổi bắt không cùng.

trần tự thoại

CCYYBBÈLLEE

Tặng Cao Hay Vinh

tôi không là người mất trí
tôi sáng suốt mù lòa
ném một cánh hoa xuống dòng sông
mơ tưởng đời lặn sâu
hồn nhiên em mất tổ tình
chẳng cưỡng lại được cõi lòng mù khơi
ta ơn những ai đã đến đây
ủ hồn cây cỏ
hất trời cây chín trên cao
rụng xuống trời bát ngát
em có tìm không người cầm khâu.

tôi không là người mất trí
tôi sáng suốt mù lòa
lượn từng hồn sỏi tròn
ném ra hết khối kỷ ức
yếu đuối như cho không
tuổi trẻ như giấy bạc
tiêu sạch không còn một đồng
hốt nhiên trời tình chợt ngậm ngùi
ly — biệt — như — nghìn — năm
nhảy từng được một
bỏ ngang đời không hẹn hò
em có nhớ được không của tôi một trí nhớ với
vàng

tôi không là người mất trí
tôi sáng suốt mù lòa
sương mù giấu kín mặt nhìn
đỉnh cây cao nụ cười bắt ngát
không cùng ngắn lẽ
bức từng năm gió bỏ vào lò sưởi hơi ấm hư không
em đóng băng trong hồn anh vẫn vũ
vút con dao về phía mình
bay ngược đường định mệnh
ừ ừ như chiều tà
vết vết thương thiên thấu rút máu
lỗ huyết long lanh đời thủng ngực

rồi tất cả, thành cơn trời lửa
bốc cao bốc cao
hóa—thiên—tình
em có nóng không một đi văng đốt trong trận cháy

tôi không là người mất trí
tôi sáng suốt mù lòa
giương một vơi chỉ bước ngang đời du bay
bất từng sợi tóc đem xuyên qua thái dương
đánh lạc đường thần kinh
hơn lên mới người tình
một—ngon—cô
những vũ trụ trời tuột dốc
luân vũ vô thức
em nua lại ôm anh chút ảo ảnh
cận bờ không rời
bước chặt đời nơi gót chân
như một kẻ du mục ở ngoài hành trình
và phân biệt ơn thánh
kể những vòng tròn trên mặt sông
hạnh phúc đến vô cực
dậm ướt quá khứ
cho rã nát mỗi sâu
em có biết không những gì còn lại là
những — không — người.

tôi không là người mất trí
tôi sáng suốt mù lòa
đóng vai một nhân vật bị loại trừ
người diễn viên chẳng tự ý
mang vở kịch không có hồi tàn cuộc
đến nhà ga thành phố hàng ngày
ra sức trình diễn bỏ thì
rồi đem phân phát cho mỗi chuyến tàu ghé ngang
một sân khấu đã đóng xong toàn vẹn và thành công
nhờ chờ đi đến cuối địa cầu
cổng hiến cho nhân loại
làm một liều thuốc ngủ dịu dàng
đêm—qua—đời
khi đã có người sống thay mình
khi đã có người chết dìm mình
xin hãy cứ yêu đương yên tâm
em có tha thứ không kẻ mạo danh Thánh Thần.

cảm ơn em đã đến
thứ phép lạ chẳng cho phép ăn năn
tôi thành kẻ thương tâm
cảm ơn em đã đến
khi đi vắng bắt đầu nguy tạo đi vắng

tôi không còn sáng suốt
cảm ơn em đã đến
thời tốt nhất vì sao cuối cùng
tôi chấm dứt mù lòa
cảm ơn em đã đến
trần thế đặt trên lưng những con đã trảng
tôi bước qua cõi khác
cảm ơn em đã đến
trút hơi thở trong từng khoảnh khắc
tôi thành người mất trí.

tôi thành người mất trí
điên lạnh lẽo.

chinh yên

CÓ HỀ CHI

Trái tim ta, ð :
Lời báo hi lao xao
Lời chắc tụng đầu năm phơi phơi

Trái tim ta, ð —
Hùng vĩ hơn ngọn núi
Em hãy làm ngọn cỏ
Ve vuốt lòng ta từ chân tới đỉnh

Trái tim ta, ð :
Niềm vui rộn rã
Nụ cười xây id trên môi
Những giấc mơ hiền để hoang trên trời

Trái tim ta, ð :
Cửa đóng nư đầy gió núi
Bàn thạch rêu phong
Đợi chàng dâng si tới mãi gươm
Dưới vầng nguyệt lạnh

Trái tim ta, ð—
Có hề chi
Đăm ba chiếc lá cơ hàn
Nhỏ giọt.

Trái tim ta, ð —
Có hề chi
Phải rồi có hề chi
Một lời nói cuội

TÌNH YÊU

Hãy quất ta mạnh tay
Ngọn roi có máu sắt
Tình yêu là tôn giáo
Ta, người tu khổ hạnh

Biến ta thành đấng si
Con tim thành ngựa chiến
Tình yêu là lưỡi gươm
Ta đâm ta ngọt ngào

từ thế mộng

LỜI CA DAO VÀ
NHỮNG MÀNH TRỜI GẦN

như con rắn nước sủi sủi
nghìn con sóng cuốn một đời lao đao
xin im, vòng ngà tay chào
xin im, triều đã nghe dào dạt lên

một đời mẹ rất chống chèo
50-sudi-mẹ một hình xanh xao
ôi con mắt mẹ ngọt ngào
nhìn con như sống như vào như tan

trời xanh trời cũng lặn vùng
anh xanh lặn bắt cho vàng vô đêm
anh cười, mây cánh vàng êm
trời lênh lảng rộng nghe mềm mại vui

ngã nghiêng chiều bóng em lùi
trông con mắt lớn trông mãi mãi đen
thời em đừng nhớ ra em
tình em ái rợn con em mặt sông

7 năm nư đã mẹ hồng
2 năm nư đã mẹ hồng
rồi 5 năm lính mù xa
ôi quê nhà với vợ nhà, nay đâu ?

1

ANH MINH thức giấc khoảng bốn giờ sáng, cây đèn nơi góc phòng chừng đã cạn dầu, ngọn nó thấp xuống, cái tim bóng gòn gù cong lại như một con sâu đỏ, ở đầu cái tim nó to ra như một cái nấm con, bóng đèn bị ám khói đen, từ đó một làn khói vẩn vơ bay lên; Minh theo dõi trong căn phòng kín gió: làn khói thật lâu tan tành, nó vật vờ như một sợi dây màu xám, quấn quít với cái bóng nhạt nhòa của nó trên bờ tường. Minh trở mình, cho tay kéo chăn lên ngang bụng, cảm thấy lạnh, biết rằng mùa xuân đang tới bên ngoài, những cơn gió mát mùng cuối đông hãy còn kéo về đây hằng đêm, chiều hôm qua trời đã quang đãng, gần tới mây dồn xuống tận chân trời, và cái ráng vàng xuất hiện phía mặt trời lặn: khu vườn như nhuộm bởi một thứ nắng quái kỳ ảo; bây giờ dù nhắm mắt Minh vẫn thấy cái tàn tạ của cơn nắng đó, chàng ngồi trong hơi lạnh đêm mùa xuân đã thoáng thoảng; Minh nghĩ: năm nay mai nở ít quá, những năm mai không chịu nở là những năm có bất trắc khốn đốn, có đúng như vậy. Rồi anh nhớ tới những anh Dân vệ đang ngủ trong khu vườn quanh đây, từ năm sáu hôm nay họ chưa có thể đón một chuyến xe để trở lại Qui nhơn, có người chôn cây súng sau vườn chưa đào lên nữa. Minh không sao ngủ được, mặc dù mới có bốn giờ sáng, anh đưa đồng hồ lên xem dưới ánh đèn mờ mờ: quả đúng vậy, bốn giờ sáng; giờ này đây núi Hùng vô trước mặt đã nhìn thấy căn biển bắt đầu nhuộm một màu hồng rím, nơi mặt trời lặn nữa sẽ trôi lên cái mặt đỏ ối. Với Minh, núi Hùng vô nó có hai con mắt, núi nhìn thấy mặt trời trước mọi người, cũng như núi thấy trước cái họa diệt vong nên núi mới thu mình yên lặng, không la lối bon chen; không những thế, núi còn cảm nghe thời tiết thiên nhiên, núi biết giao mùa, đón mùa thu mùa đông lệ làng trước người. Hùng vô có mấy phiến đá đen mỗi chiều thờ khói, mỗi đêm đã nghe ngóng và đi chuyển. Một mùa thu năm nọ núi Hùng vô đã than khóc. Người ta nói Hùng vô khác vì núi biết Qui nhơn sẽ gặp cơn binh biến khôn lường. Người khóc ra nước mắt còn núi khóc ra cái gì nhỉ: núi khóc ra máu. Hùng vô đã chảy máu suốt mấy mùa thu sau, cho đến hôm nay, cái Tết Mậu thân này. Minh nhắm mắt cố tìm cho mình một giấc ngủ. Trong giấc ngủ núi Hùng vô cúi xuống hôn anh, núi đưa tiền anh: "thời con lên đường binh an nghe con, vào Nam con cố gắng giữ gìn lấy thân mình, cố người xứ lạ con nên viết thư về thăm nhà; ở miền cực Nam không có núi non, chỉ có đồng bằng; đồng bằng sẽ làm cho trí con bình lặng, tìm con man mác, nhưng đây là một tại hại không lớn; không có núi lớn đèo cao là đời con thiếu mất những nhắc nhở đi thường. Con hãy nhớ đến ta hằng đêm".

Nơi hiền nhà, mấy anh Dân vệ cần mùng ngủ, sương xuống lạnh thật lạnh, sương tạt vào trong vòm cả những mùng, ngang bậc thềm là những giày dép của họ bỏ dọc ngang; trên những phiến đá hoa hàng hiên lá rụng trong đêm còn nằm ở đó; các anh Dân vệ cởi áo mũ đặt vào bên trong. mấy cây súng thủ trên đầu nằm, họ ôm nhau, hai người một mùng; nửa đêm khi thức giấc có người đã nghe bước chân ai đi bên kia vườn, rồi có tiếng chạy thình thịch, sững mấy đêm rầy không còn trong thành phố, súng đã lui ra xa thật xa, tiếng chân thình thịch một lát rồi vắng bật luôn; mấy anh Dân vệ nghe ngóng rồi ngủ lại, ôm nhau vì cơn gió bắc cứ hoài hoài đưa tới. Cũng nơi hàng hiên một ló những rơm rạ của mùa lúa tháng chạp còn bỏ đó; mấy thửa ruộng xa không canh tác được; những thửa ruộng gần quanh xóm năm nay trở muộn, lúa về đến nhà mùa xuân cũng đã tới: Tết nguyên đán tuồng như chín trên những bông lúa vàng. Ngoài rơm rạ là những bao tải đựng cát, những tấm ván làm bờ thành cho một loại hầm trú ẩn; cái hàng hiên trở thành một phòng tuyến vì có chỗ phòng thủ có chỗ lánh ngủ.

Ngoài vườn, đêm tịch mịch, những cây lan đã út nặng, sương đọng thành giọt lớn như giọt mưa, hàng trà tàu cũng thế, cái sân gạch đã rong rêu từ năm nào, những viên gạch quá cũ đã vỡ nát, nơi đó tháng trước được trám vào những viên gạch mới màu đỏ, nhìn chung cái sân như một tấm áo vá; hồ nước đứng lặng thình, chiều hôm qua Minh đứng trước hồ nước nhìn hòn «non bộ»: một cái hòn «non bộ» nhỏ nhoi thế mà cũng có đầy đủ giang sơn đường xá chùa chiềng, có cầu có mái nhà; cái hòn «non bộ» nhờ màu chiều soi bóng xuống nước làm Minh cảm thấy bồn chồn. Minh thường hay có những cảm động mơ hồ không đầu, nhìn thấy cái bóng «non bộ» mà nghĩ đến những ngày phiêu du của mình, những tháng năm mộng ảo trôi qua, những thời khắc mà thật xương bọc lên dần dần với nhật nguyệt, để lại một cơ thể mỗi ngày một khô gầy tàn tạ. Có phải ta đã hóa thành một đám sương khói nào đây chăng, có phải ta đã mất dần tính anh như một ngày mất dần sinh khí vào lúc chiều tà, như đêm đã tan biến tính tú khi trời sắp trở sáng.

Chung quanh làng chưa nhà nào thức giấc, các cửa đều đóng kín, mái nhà úp xuống hoài hoảnh như một cái tháp Hồi cố định, những hàng dậu nay đã thừa, người ta thêm vào đó những kềm gai: để trừ kẻ gian phi; những lối đi trong làng lầy lội vì đang bỏ hằng ngày qua lại không biết bao nhiêu lần. Đêm thật thâm lặng, không ai nghe thấy tiếng chó sủa, chỉ nghe vào lúc canh hai cơn mưa thật lớn, trầm ngâm khôn xiết; sau đó cơn mưa im lặng, cho nghe tiếng nước róc rách từ trong xóm chảy ra, tiếng ech nhái ngoài mấy thửa ruộng hoang kêu thật bụi ngùi; lúc đó, vào khoảng canh hai, có tiếng công đầu xóm dưới «ngày nay tiếng công là một cách báo động quá lỗi thời sao ai còn đánh hoài hoài nghe não nuột» một vài trái hỏa

châu thấp lên phía bờ biển, ánh sáng của hỏa châu mật mù trong mưa: y như một ai đi khuya khoắc trở về với cây đèn bão hoạn nạn. Bây giờ tất cả làng đã ngủ im lìm, không tiếng chim kêu, không trẻ khóc.

Làng Tuy Phước nằm trên trục lộ xuyên Việt, phía tây bắc thị trấn Qui nhơn, cách nhau chừng mười cây số ngàn. Trên đường từ Tuy Phước tới Qui nhơn phải qua chợ Huyện; chợ Huyện nay đã điêu hiu, cây hai hàng ú rừ, những thân dừa đứng tịch mịch trong các khu vườn hoang phế, con đường cái quan đã hư nát, lớp nhựa đường trắng từ thuở quan khâm sứ nay đổi màu, con đường đã nhạt phai; Chợ Huyện, cái tên êm đềm nay chỉ còn nơi đó những cái quán nhỏ bán nem bán nước. Phía trên kia là ngã Ba Bà Di và ga Diêu tri; Ngã ba Bà Di là đường giáp ranh địa Pleiku, Quảng Ngãi, Saigon, nơi dẫn tới đèo An Khê; hồi đó còn một cây cầu sắt nằm vắt vẻo trên sông, nay

như một quán vắng, lâu ngày lắm mới nghe vài tiếng động lướt đến rồi qua. Cũng vì đó mà Tuy Phước thoát một vẻ trầm lặng khôn lường.

Một cái công thành rêu nhạt mang tên Lý môn. Thành đã chết với thời gian. Từ công có con đường sỏi vàng dẫn vào một ngôi nhà xưa cũ. Đây là quê hương cụ Đào Tấn. Minh sinh trưởng từ đó, lớn lên trong một ngôi nhà cũ kỹ bên trái Lý môn. Nhà của Minh cũng là một căn nhà ngói ba gian: trên những cái đòn tay, những rui mè, trên tấm gỗ chấn hãy còn thấy những hình chạm trổ công phu. Trước nhà Minh dẫn đến cửa Lý môn một con đường bụi đỏ, hai bên đường loài cây đại độc lang thang, nào xương rồng, nào lưỡi long, bông trang, bông nỏ. Thuở nhỏ Minh đã đắm say với những hoa đỏ để nở vào lúc hoàng hôn, mùi thơm nó quế mùa nhưng ngào ngạt dị thường. Cây bông trang cho những cánh trắng hoặc đỏ, trẻ nit hút lấy cái nhụy nó ngon lành. Còn lưỡi long, đó là những cái lưỡi

TRƯỜNG GIANG



«Bến Hồng ai giục nhau qua»

BÙI GIANG

truyện dài CUNG TÍCH BIÊN

cầu đã được trục lên để một cây cầu mới bắt sang; ga Diêu tri là một ga xe lửa bằng lạng, khi xưa đêm như ngày luôn thấy tàu nhóm lửa ra đi ở đây, luôn luôn nghe tiếng xục xích đôi goong; một thời Pháp thuộc đã qua, một thời kháng chiến đã qua, nay chồng chất dưới chân núi này biết bao nhiêu hình ảnh: Diêu tri.

Trước mặt làng Tuy Phước là núi Hùng vô, như con voi nằm dài che phương Nam; ban đêm nếu nằm trên một bãi cỏ dưới chân núi phương bắc người ta không thể nào thấy được cái sao «mực nước» hay sao «Nam tào» đang khắc khoải đang trong. Dưới chân núi Hùng vô một con sông chảy ngoắt ngoắt, sông có khi đâm vào dãy núi diệt biên. Phía biển đầy cát vàng những đụn cao như là đồi, trên đồi cát là xóm làng; nhà ngói lổ nhổ chen lẫn với vô số vườn dừa. Một cánh đồng chạy trước làng Tuy Phước ngăn cách nó với núi Hùng vô. Con đường cái quan chạy giữa cánh đồng. Nay đường sá không mấy an ninh,

đầy gai, thứ gai nhọn kinh khủng. Có nhiều lần, ngày xưa, Minh đạp phải cây gai đó và Minh bực mình, Minh ghét con rồng: Con rồng mà có cái lưỡi như thế là một con rồng ác, con rồng không thể hút nước từ biển lên phun tưới cho cách đồng khô héo như câu chuyện cha Minh thường kể cho Minh nghe. Đọc theo con đường khô vàng, một bên là mấy khu vườn thừa, một bên là ruộng. Có lần Minh đứng trên bờ ruộng này ngắm người ta gặt hái, nghe đầy hơi người cái mát rượi tháng Ba, man mát trên cánh đồng này mùa xuân trở lại, Minh đứng ngắm từng bông lúa chín đến ngọn cỏ dại, từng cọng rạ khô; buổi sáng sương đọng đầy trên lá cỏ, buổi trưa con đường cái quan ngủ im lìm giữa cánh đồng, buổi chiều đàn bò trở về mang trên mình nó những con muỗi đen đúa, con muỗi trở vào chuồng kêu vo ve suốt cả đêm vắng; Minh thấy nơi đây những cây lúa vừa cấy xuống vực nước tháng mười trong vắt, rồi lúc

trở đồng vào tháng hai, lúa trở bông
lúa thơm chỉ lạ, rồi sau đó cánh đồng
trơ trọi thảnh thơi : đất quả đã nuôi
bà con anh từ năm này qua tháng nọ,
đất gửi tới thân thể anh cái giọng
màu hiền hòa của nó, đất đưa tiếng
cười vào tuổi thơ anh.

● Ngày mai anh phải rời nơi này,
xa làng Tuy Phước, xa cửa Lý môn,
xa Hùng vồ, Ra Di, Cầu trắng, Diêu
tri, Chợ Huyện. Anh sẽ ngã mũ chào
tạm biệt hàng xuong, cánh trà tàu,
ngon lười lười ; thôi nhè hạt bụi
vàng ta đi, thôi nhè cái giếng nước
âm thầm ta đi, thôi nhè chào con gà
cây cải, vòng khoai. Minh sẽ nhìn cho
thật kỹ những con anh, vợ anh, nhìn
viên gạch ngoài sân, nghe cho rõ ràng
tiếng động nhỏ nhoi của chiếc thoi đưa
từ một khung cửa nhà bên, Để biết
đâu ta đi mai sau ta không về. Để lỡ khi
có chết ta còn mang vào cát bụi những
liên hệ cuối cùng. Ngày mai anh Minh
đi... Ngày mai là thứ Năm, mồng
Mười tháng Giêng (tháng Giêng thiếu)
năm Mậu thân, nhằm ngày
mồng Tám tháng hai năm 1968.

Cũng vì sự ra đi đó mà đêm
nay anh Minh không sao ngủ được,
lòng bồn chồn không yên, đêm qua
thức chuyện vẫn đến gần một giờ đêm
thế mà bốn giờ sáng đã trở giấc ;
năm mai không ngủ được anh bước
xuống nhà bếp đun một ấm nước,
chế vào bình trà. Ngồi trước bếp lửa
hồng Minh nghĩ mông lung về đống
tro tàn. Mấy con gà thấy ánh lửa
chúng nó rục rịch, con gà trống lớn
cất tiếng gáy, con gà mái tục tục
cánh cho đàn con ôm vào. Trời có lẽ
đã trở sáng, mọi cảnh vật trở mình
ra khỏi đêm mê man ; với anh Minh,
biết đâu ngày cũng mê man hơn,
ngày che đầy cả những cơn ghen
tâm thường ; chén nước trà xong,
Minh đẩy cửa ra phía sau ; dẫm trên
những ngọn cỏ ướt và đón cơn gió
lạnh trở tới Minh thấy lòng mình xôn
xao : nơi bồn chồn trong phòng kín ban
này bây giờ rộng rãi ra, nó như cơn
nước ra khỏi nguồn, băng láng nơi một
vùng phù sa nhiều cát. Minh vòng tay
trước ngực đi quanh quất trong vườn.
mắt nhìn lên vòm trời đêm lạnh lẽo,
những ngôi sao lấp lánh trắng bạc ;
ngày ở trong Miền Nam xa xôi Minh
vẫn thấy những vì sao này hằng đêm ;
suốt đời chúng ta ở dưới chân các vì
sao, bị ám ảnh bởi nó, hằng triệu vì
sao bao phủ lên đời người, từng khắc
thời gian trong đời chúng ta có tính
tử soi nhìn, khi chết chúng ta quay
mặt về phía các vì sao, thế mà giữa
tinh tú và ta có nghìn trùng cách biệt :
y như giữa bóng tối và cái chết,
chúng nó ở một phía với nhau
nhưng là hai bờ thâm vô cùng riêng
biệt. Có một lúc Minh muốn trốn
khỏi các tinh tú kia, bởi nó gọi cho
anh một một kiếp người đơn độc, nó
nhắc nhở đoạn đời phiêu bạt thế
thâm của anh, nhưng anh không thể
trốn nó : cái Bắc đầu hay cái Nam tào,
cái Sao có tên họ hay Sao vô danh
trên kia, thấy thấy đều là sự có mặt
bất đắc dĩ trong vũ trụ như anh, thấy
thấy đều là mông muội có - thực. Ngay
giữa các vì sao chúng nó vẫn phải
đau đớn lẫn nhau như người ngóc.
Minh cứ đi hoài hoài trong vườn như
thế cho đến lúc trời sáng tỏ, cho
thấy ngọn núi Hùng vồ phía bên kia
hiện lên trên nền trời hồng, những
tầng đá đen đã mờ mắt, tinh tú sạch
trên cao, mây trắng dần hết về phương
Tây, chất chồng trên đầu Trường sơn ;
nhìn cái sườn núi xanh thăm thẳm
chợt nhớ mùa xuân năm nay không
có én : én đã trở thành một loại chim
bạt ngàn bay mãi miết đầu xa.

Mấy anh Dân vệ thu dọn mùng
mền, mặc áo quần vào người, súc

miệng rửa mặt, lau súng. Có anh ra
sau vườn đào cây súng lên. Có anh
ra nhà sau kéo cái xe đạp xuống (mỗi
chiều về anh ta cỡi cái xe đạp treo lên
xà nhà, để cho cái lốp xe lâu hư mục)
anh ta dắt chiếc xe đạp ra ngoài sân,
gác cây súng garanh MI lên gi-dòng
xe, rồi từ từ đạp về phía chợ Huyện.
Nhìn anh với một chiếc xe đạp cũ,
với áo quần cũ cùng khẩu súng thuộc
loại phế thải kia chẳng khác gì chúng
ta phải nhìn cái goong tàu cũ, thứ
tàu còn lại của thuộc địa Pháp trên
ga Diêu tri. Chúng ta có hai con mắt
của thời đại về tình hình cái món đồ
cũ kia đi chuyên dân đi về phía chợ
Huyện. Món đồ cũ dựng chiếc xe đạp
cân thăng, mang khẩu súng đồng lên
vải, tìm một cái ghế ngồi và gọi một
tô mỳ.

Món đồ cũ có khi tức giận cũng
trở cây súng đồng bắn vài phát
chỉ thiên. Món đồ cũ có khi đã đỏ
máu trong những dịp hy sinh vì Tổ
Quốc. Và bây giờ, chừng tám giờ
sáng, cây dừa đã khô những giọt
sương lớn, nắng soi xuống tận vùng
đất kín, đường cái quan đã ồn ào
tiếng người, Chợ Huyện trở lại
sinh hoạt.

Một anh Dân vệ đứng trước sân
hỏi anh Minh : "Anh không đi ở nhà
thêm vài hôm nữa à. Vào trong đó
làm gì với. Giặc đánh tứ phương
trời, chạy loạn tan tác cả, anh vào
trẻ ai phạt tạ anh đâu."

Anh Minh trả lời : "Tôi không
sợ điều đó, tôi lo lắng cho căn nhà
của tôi trong Bạc Liêu thôi. Một phần
đời sống tôi ở đó có thể cháy
thành than."

"Ô trời đất ôi, giữa thời buổi
này mà còn sợ cháy. Tôi khuyên anh
ở nhà vài hôm nữa. Vào trong đó
không yên đâu. Nghe nói Sài Gòn còn
lung tung, Huế hai bên còn phang
nhau tới bời. Ở cửa ngõ môn tụi nó
thượng một lá cờ to to bô."

Minh nhìn anh Dân vệ : cái
hình nhân được trang bị trên đầu
một chiếc nón ka-ki Mỹ, trên người
một cái kính mắt rờ rờ, bộ đồ nhà
bình đã phai màu, một đôi dép Nhặt.
trên tay lại có cái đồng hồ Seiko
thật tốt ; hôm trước Tết anh Minh thấy
chàng ta mang chiếc xe Honda lên
ngã Ba Ba Di đón Mỹ, mỗi cuộc xe
về Qui Nhơn nghe nói được nhiều
tiền lắm. Minh nói với anh Dân vệ :

"Tôi không thích nói tới chuyện
đánh nhau. Anh Mai, trưa nay anh
có thể đến tôi xuống Qui Nhơn được
không. Tôi liên lạc xem ngày mai có
được không. Thật là nản lòng. Tôi
cũng muốn ở nhà với vợ con nhưng
không thể được."

Anh Dân vệ đi dần ra đầu ngõ,
lời đi chợt hợp, hai hàng trà tàu từ
lâu không ai chăm sóc nó mọc kín
con đường ; anh Minh đi theo anh
Dân vệ, những chiếc lá to tròn cành
dâm buộc quét nước vào mặt hai
người ; khối lối đi nhỏ hai người cùng
thấy mấy đám ruộng nước, một vài
con cò trắng đậu phía bờ sông ; anh
Dân vệ nhớ đến mùa lúa tháng tám
vừa qua bị cơn lụt ngập không thu
hoạch được hạt nào, anh Minh thì
lại nhớ đến cánh đồng rộng mênh
mông miệt Ba Xuyên Bạc Liêu, Minh
nhớ những cây sưa dừa mọc hai bên
quốc lộ số bốn. Anh Dân vệ nói :

"Không biết bao giờ thanh bình
để mình có thể trả cây súng này cho
chính phủ, mình trở về cầm cái chui
cây. Tôi thích cầm chui cây hơn
cây súng."

Anh Minh lại thầm nghĩ một
phút : "Làm sao trưa nay khi đi Qui
Nhơn về mình phải tới thăm mộ của
Nhàn, thằng cháu đã chết hôm mồng
bốn Tết. Phải thấp cho nó một nén
hương trước khi lên đường".

CÒN TIẾP



GIỮA tòa soạn VÀ bạn đọc

LINH PHIÊN.— Cảm ơn ý kiến
của anh về vụ đọc sách. Anh Ng Nhật
Đuật hẳn cũng không để ý gì đâu, và anh
Đuật vẫn tiếp tục đọc sách, như anh
thấy. Ngành phê bình của ta không
khá được vì cái cảnh dơ dàu chịu
báng có thể xảy ra.

TRẦN TỰ THOẠI.— Đã đăng
ccyybeelee của anh trong số này.

TRẦN VĂN NAM.— Khi rảnh
sẽ có thư cho anh. Trong số
những bài anh gửi, có mấy bài đã
đăng rồi mà, trong tập Thơ và Triết
Học.

LƯU HUỖNH TRUYỀN.—
Vui trong cái còn lại. Ở quán trường
chắc là không vẽ được ? Sẽ gửi cho
Truyền 2 cuốn sách vừa xuất bản,
khỏi mua. Bản vẽ còn nhưng nếu có
thêm vẫn tốt hơn chứ.

NG KIM PHƯỢNG.— Ôi, sự
nghiệp. Ráng về Saigon ghé chơi tòa
soạn. Sẽ đăng cái quảng cáo tập thơ
Đẹp Trai cho Hoàng Thị Bích Ni.

TỬ HOÀI TẤN.— Đã nhận
được thêm bài thơ. Còn Ngục Thăm
vẫn chưa đọc xong.

NGUYỄN MIÊN THẢO (Plek).—
Cảm ơn là thư đó của anh. Đường
như tòa soạn còn bài của anh ? Nhưng
cứ gửi thêm về.

CUNG NHẬT (ĐN).— Ráng
chờ, và trong khi đó cứ gửi thêm bài,
để tòa soạn dễ lựa chọn. Có thể yên
tâm được.

NG. ĐÌNH PHƯ (Đồng Đẽ).—
Phải biết Phú ở Đồng Đẽ, hôm ra
Nha Trang đã tới thăm. Mãn khóa,
ghé tòa soạn chơi.

NGUYỄN ÁI VÂN (Cần Thơ).—
Rồi anh sẽ thấy là anh nên gửi tiếp.
Sẽ đăng trong vài số tới. Sẽ chuyển
lời hỏi thăm của anh tới anh Ng.
Nhật Đuật. Anh Đuật đọc sách, trước
hết, vô cùng cần thận.

LÊ PHIÊN VÂN.— Bài đang
đọc. Có thể đăng sớm.

NGÔ VĂN NON.— Cảm ơn
mấy tấm tranh vẽ sau của anh. Mấy
tấm sau làm bản kẽm được. Mấy
tấm trước loằng quằng. Anh nhớ : vẽ
báo (không có màu) phải vẽ phóng
luôn tấm vẽ mô vững.

DUY NANG (NT).— Đã nhận
được cả hai bài anh nói trong thư và
đã soạn ra để đăng mà cuối cùng lại
phải tạm gác lại, vì làm số đặc biệt
Beckett. Anh cứ viết cho những bài
ngắn như vậy. Khi nào CTB rảnh,
KH sẽ nhờ ra Nha Trang làm cuộc
nói chuyện mà tôi đã dự định làm ở
La Frégate hồi đó, chắc phải nhờ đến
anh. Đã gửi sách. Tuần này họp BCH
Hội VNSQĐ về Đại Hội kỷ II. Sẽ có
tin sau. Thân.

LÊ MIÊN TƯỜNG.— Đang
đọc "NNCC" của anh. Hy vọng sẽ
đăng được.

Y LANG.— Tiếc là hôm đó bạn
quá không nói chuyện được. Thư đang
đọc, nhưng cái bài "Mộng đám" phải
bỏ đi.

TRẦN QUANG NAM (KBC-
6256).— Thơ anh Tòa Soạn đang
đọc. Về tập thơ VN Quê Hương Ta,
có lẽ đã phát hành rồi. Hay là anh gửi
tiền tem về tòa báo (100đ) sẽ gửi
sách đến anh.

NGÀN THƯƠNG.— Tòa soạn
thành thật cảm ơn những đề nghị của
anh. Riêng thơ anh hình như cứ kẹt
mãi, có bài đưa lên nhà chữ rồi mà
lại kẹt lại... Ngay từ bây giờ chúng
tôi đã sửa soạn làm Số Xuân — Không
phải là 40 trang mà là 100 trang in
2 màu và bìa offset.

THẾ VŨ.— Trả lời lần lượt
mấy vấn đề anh nêu ra : 1) Như anh
thấy, cái vụ đó xong rồi. 2) Viết về
Miền Trung, Trang cho Miền Trung
không cố định. Có thể là cuộc họp
mặt như ở số 28 — có thể là một
diễn đàn người viết nào muốn lên
tiếng cũng được, như anh nói. Đầu
tiên, anh làm đi. Anh đọc số 29, hẳn
thấy chúng tôi đã nhìn Miền Trung
đúng tầm nhìn phải có. — 3) Về mục
cố định, thỉnh thoảng hẳn phải có số
không vừa ý, nhưng ngược lại, được
cái tốt : đó là mục đều đặn. Tôi có
đọc một số Nhìn Mặt, còn chưa được
đọc tờ Ý Thức. Tờ Nhìn Mặt làm
được thế là quá sức, ở tình cảnh đó.
Mong sẽ nhận được thêm thư anh.

VY MYNH.— Gợi nhau như thế
cho tiện. Cái đề nghị của anh kể như
xong rồi. Cảm ơn anh đã nhìn thấy
những cố gắng của tờ báo. Nhưng có
cái kẹt là thêm mục mới, tham lam quá
cuối cùng lại làm mất hợp thể. Thơ
anh, bài Đồng Xám, sẽ đăng.

NG CUNG NGÀN.— Bài trả
lời cuộc PV Tuổi Trẻ đăng với tên
CN rồi. Thơ sẽ sửa lại khi đăng.
Đừng nóng ruột mới được.

VƯƠNG PHÙ DU.— Đã nhận.
Đăng 1 bài kỳ này.

xem tiếp trang 20

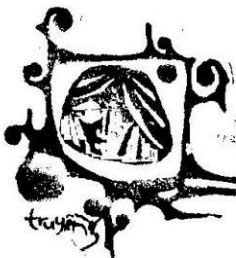
Khoi Hành

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ NĂM ● CHỦ TRƯỞNG:
HỒI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI ● GIẤY
PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3581BT/BC
NGÀY 26.3.69 ● TÒA SOẠN VÀ TRỊ
SỰ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON
ĐT : 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút
ANH VIỆT
TRẦN VĂN TRỌNG
Thư ký Tòa soạn
VIÊN LINH
Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÓ KIỀU NGÂN ● LÊ ĐÌNH THẠCH ● HOÀNG NGỌC LÂN ● HUY VĂN ● ĐẶNG TRẦN HUÂN ● NGUYỄN HỮU THÔNG ● DƯƠNG TRƯ LA ●
Và
NG. HỮU NHẬT ● LƯU HUỖNH TRUYỀN ● NGUYỄN HẢI CHÍ
Trình bày bìa và ruột
VIÊN LINH
Thư từ ngân phiếu đề tên Chủ Nhiệm ● Bài vở đề tên Thư ký Tòa soạn ● Giá 20đ. mỗi số ● Công số giá gấp đôi.
Bài vở gửi cho **Khoi Hành** xin miễn gửi cho báo khác, và ngược lại ● Tòa soạn không trả lại bản thảo nếu không có lời yêu cầu.

KHUNG CỬA SỜ ĐEN

NGUYỄN DỤC



CHẠM CHẠP, tôi ngã lưng vào thành ghế, tựa đầu trên thành cửa sổ hẹp, thờ ra từng vòng khói, mắt lơ đãng nhìn theo màu khói thuốc trắng đục vuron cao, tan loãng, tuôn trào ra ngoài mấy song cửa cao lều nghêu. Một ngày dài đã gần hết. Từ tám giờ sáng tôi đã cảm thấy ngay trong người như có một hiện tượng gì lạ kỳ mà suốt một tuần nay, từ ngày nghe tin một người bạn ngã xuống, mang theo mấy vết mả tấu ngoài chiến trường, miền Trung; cả ngày, tôi hết năm lấy cuốn sách này mở ra đọc, lại bỏ dở ở một hai trang đầu, rồi lại cầm ngay cuốn khác, và cứ thế, tôi chẳng đọc gì, hiểu tí gì cả. Những trang sách lật qua mau, những hàng chữ nhỏ mờ dần hoặc nhảy múa trước mắt, những bồn chồn, những suy nghĩ vu vơ đập tràn trong óc, tôi bỏ ra quán cà phê ngồi bốn lần trong ngày, những hình ảnh náo nức, lay xôn; màu sắc nhoe nhoe như sắc máu; tất cả quay mau, quay vun vút trong mạch máu, trong tiềm thức tôi mãi. Con ho bắt thần lại đến trong cổ họng tôi. Một ngum khói thơm nồng vụt bay ra. Tôi ôm lấy cổ như muốn bóp mạnh cuống họng mình lại, chặn ngay cơn ho về cổ, được một chập, tôi như ngất ngư, tôi nghe hai tai mình nóng ran; tốc tôi loà xòa trước trán; có một sợi châm vào con mắt cay khỉ thuốc. Cuối cùng, tôi như thở không kịp, mặt tôi như hực lửa. Tôi đứng lên, búng diều thuốc mới đốt ra ngoài trời. Bật xong ngọn đèn trên bàn viết, tôi bước nặng nhọc xuống cầu thang gỗ. Bóng tối nhá nhem trong nhà, hôm nay bà chủ nhà đi đánh bài thường lệ chưa về, xuống một được đoạn thang, tôi đập nhăm con mèo nhỏ nằm giữa bậc gỗ, tiếng con mèo bị đau vang lên rền rền. Tôi đi ra phòng khách, đồ đạc bày trong phòng thấp thoáng vài chút ánh sáng bên ngoài tạt vào. Yên tĩnh và tối, tôi dò dẫm xuống lầu nhà dưới. Ngọn đèn

nhà bếp ập thấp từ lâu, sáng choang, tôi nhủ thầm: lại phải ra quán ăn tối nữa rồi. Tôi cúi đầu vào cái thau nước lớn kê trên bệ gạch cao, sát bờ tường âm ỉm rêu, con mắt dịu thấm trên cổ, lan vào tai, vào mắt; tôi khoan khoái thờ rỗi chột nhìn lên trời, chòm sao bắc đẩu như treo sát một nhánh cây mọc từ bên kia bức tường. Năm phút sau, con mắt lịm chạy đờm khắp da thịt, tôi ngưng xối nước, tìm lại đôi dép, ghé vào nhà bếp tắt ngọn đèn rồi lại dò dẫm từng bước để lên gác.

AN xong một đĩa cơm thật sùn, tôi gọi thêm một chai coca, từ lâu mình không uống thứ này, vậy lại, hôm nay mình có một ngàn của Khai mới cho mượn, chắc chỉ trong một tuần là hết, à, mà cái thằng Khai, thằng chó chết sắp đi thụ huấn cái gì đó, cái thằng chó chết...

Trời đã thật tối, gió ở bờ sông thổi lên từng đợt, tôi đi từng bước một, mấy cái ghế đá màu vàng và xanh kê dọc dưới hàng cây trên bờ sông đã hư chân hoặc nằm ngả nghiêng trên cỏ vớt. Bấy giờ tôi mới nhớ là đã để quên gói thuốc thơm ở nhà. Tôi lại trở lui, qua cầu, xuống hết con dốc cao mới có một hàng bán thuốc lá, tôi mua năm năm điếu, ừ, sao lại mua năm điếu, thôi, mua một gói đi, bán cho tôi một gói capstan đi cô; người con gái ngồi bên ngưỡng cửa quay lại, thò tay dưới mặt kính rút một gói thuốc, tôi nhìn chăm vào mặt nàng, người con gái cười cười, thổi dùm tôi đi. Tôi đứng lại đó một chút, châm lửa hút một điếu, chà, mới tẩm hút lại thấy ngon ghê. Gói này trời đẹp lắm, tôi nhủ thầm. Người con gái đã quay vào trong nói chuyện với một thanh niên mặc áo thun. Tôi lại bước đi, không biết phải đi tới đâu, kê, cứ đi là được. Tôi băng qua mấy vũng nước đọng dưới mái hiên mới cần nhà thấp. Hơi thở tôi bây giờ nghe thơm mùi nước mưa. Hình như khuya đêm qua trời

mưa to. Hình như đêm hôm qua ở nhà Khai ra tôi say mềm. Chắc Khai nó đem mình về nhà chứ ai. Đi ngang qua công viên tôi không khỏi có ý muốn vào ngồi chơi. Trời thật mát. Ngồi ở đây nhìn xuống sông, nhìn qua bên kia bờ sông, nhìn ghe thuyền đậu san sát bên dòng nước thấp thoáng bóng trắng cao. Tự nhiên, tôi lại nhớ tới thằng bạn mới vừa chết trên hơn tuần hay một tuần gì đó. Nhớ nhớ bỗng như ngọn đèn vụt sáng, chói lóa. Những đêm hai đứa trăn trọc bên nhau, những đêm hai đứa rủ nhau ra sau vườn tiêu tiêu, ngắm sao trời hoặc vừa ăn cháo khuya vừa tán chuyện mấy cô gái bán hột vịt lộn; ôi những đêm đã ăn sâu, trong tim, trong óc tôi... Nhớ tới thằng bạn vừa mới chết là tôi phải nhớ đến những đêm đó, vì nó ít khi ở nhà với tôi vào ban ngày, nó phải làm gì đó ở đồn mà tôi chẳng cần tìm hiểu làm gì. Thế rồi thằng Khai, thằng Lang, tụi mày đi lần hết, chắc tụi mày cũng biết tao buồn khi vắng tụi mày tới độ nào, tôi nói với thằng Lang như thế, hôm tôi theo lên phi trường đưa chân nó nhập ngũ. Cái hình Lang gửi về hôm nọ tôi còn cất trong ví, gương mặt nó đen ra, tay cầm súng như to ra; không biết nổi vui sướng của nó đen ra hay to ra như thế nào. Một ngày, vào buổi chiều, Khai, Lang tôi và Lân, bốn đứa ngồi uống đá chanh trên gác, tôi hỏi đứa nào còn tiền, độ trăm hay vài trăm cho mua mượn hay cho luôn càng tốt, không có đứa nào còn tiền, Lân thò tay vào túi quần lục lạo, tiếng bạc chi vang ra leng leng, khô khan. Khai hỏi, mày «đói» lắm sao, tôi cười, vừa đói lại vừa rách, à, sao mày hỏi ngu thế, con? tôi cốc đầu Khai một cái thật mạnh, thằng lùn cầm cốc, chột. Rồi tiếp theo, chúng tôi bàn đến nhiều vấn đề; nhiều chuyện tạp nham, tiếng cười thì, vắng tựa tráo ra rất nhiều. Cứ mỗi lần gặp nhau là bốn đứa tôi có dịp nói tục, kể chuyện con gái cho nhau nghe. Lân làm sao Mỹ khá tiền nhưng nó phải đưa cả cho bà mẹ, Khai con long bong và Lang thì bây giờ chắc đang ôm súng gác hoặc nằm đọc truyện gì đó. Có lần tôi nói với bọn chúng, nay mai tao sẽ viết chuyện về tụi mình, kê lại tất cả những nếp sống, những giai thoại của bốn đứa mình để gửi đăng báo. Thằng Lân vỗ ngực: nhớ kể những đêm tụi mình đọc... nghe con; ô kê.

BUỔI SÁNG tôi dậy trễ; tiếng người gọi nhau, nói chuyện dưới đường vọng lên không ngớt. Tôi để nguyên mềm trên mình, nghiêng ra ngoài thành giường với tay lấy gói thuốc. Khung cửa sổ mở toang. Nắng sớm mai tạt vào sáng trắng mặt góc màn. Tôi nằm im hút thuốc, không biết phải làm những gì ngày hôm nay, hay là vào rạp xi nê ngồi, uống tiền, hay là đi dạo, chán; à, dọn lại căn gác chứ, ừ, phải đó. Tôi vùng ngồi dậy, mấy

KHÔNG thời gian không biết dài ngắn bao lâu tôi đã ngủ mê đi, thỉnh thoảng chợt dậy vì những âm thanh bên ngoài đánh thức tỉnh cơ, những âm thanh không rõ ràng con gió đánh bản bật vào tấm tôn dùng làm phen bệnh xá, tiếng rên la của một bệnh nhân nào nằm ở cuối góc phòng, những bước chân đi đến gần rồi dừng lại mất hút ở đâu đó, tiếng nói chuyện của những bệnh nhân đã khỏe, đã có thể ngồi dậy được, bước ra ngoài, tiếng động cơ của một chiếc xe, những hạt cát bị gió thổi thốc tháo va vào những miếng tôn. Tiếng lờ lờ của gió. Một đôi lúc trong khi tựa mình tôi còn nghe rõ tiếng những khớp xương mình nghiêng vào nhau, nhịp tim đập thỉnh thoảng trong lồng ngực khô ran ran và cuối cùng là tiếng kêu kệt của những thanh tre lờ lờ của chiếc giường op ẹp khó chịu. Giấc ngủ không bình thản, những giấc ngủ đã đến với tôi trong mấy ngày qua, sau cơn sốt dữ dội, cơn sốt đây cả thân xác vào một trạng thái kỳ dị, rơi hẫng vào một vùng nước nhồi rồi trôi lênh bênh cho đến khi cơn sốt rút đi, thân xác bắt đầu như bị chìm vào một cõi giá lạnh, cả thân xác run lên những ngón tay bắt đầu bấu vủ vào thành giường, hôn mềm, chiếc chiếu trải đã nát, cơn lạnh kéo dài hơn sức chịu đựng như một ngày rồi không bao giờ qua, bờ không bao giờ hơi tới, tôi phẫn đấu tuyệt vọng trong trạng thái như thế cho đến một lúc mê lịm đi. Lúc thức dậy, như lúc này lơ mơ nghe mình khát một miếng nước và nhớ loáng thoáng lúc người y tá trực tháo bỏ mũi kim châm vào một chỗ nào đó trên tay và bình nước biển treo trước mặt cũng không còn. Buổi tối chắc đã xuống sâu bên ngoài, ánh sáng lơ mơ của bóng điện duy nhất treo từ phòng kê bên chiếu xuyên qua phen vách gỗ cho thấy người nằm bên đã ngủ say, hơi thở khô thè trong cổ họng, một tiếng động vô tình bên ngoài. Không có gì khác ngoài tiếng gió thổi mạnh hất những hạt cát đập vào tấm phen tôn. Bệnh xá đã ngủ yên trừ người y tá trực ngồi phòng kê đang cầm cúi trên một trang giấy. Tôi nhớ tới lá thư của Trinh nhận được từ hơn tuần qua, muốn viết cho nàng một vài chữ trong những ngày này,

nhưng không viết được. Con dơi chợt đến. Tôi lại trở mình và cố gắng ngồi dậy. Đầu óc vắng vất nặng nề, cánh tay bên trái mới ròi và những lớp mồ hôi đã khô trên áo làm khó chịu. Trong bóng tranh tối tranh sáng, tôi đưa tay tìm một điếu thuốc và hộp diêm trên đầu giường, hơi thuốc đầu tiên làm tôi muốn say, nhưng những hơi sau dễ chịu hơn, những sợi khói gió cuốn đi mất, và vì thế tôi mới nhìn thấy cánh cửa sổ bên cạnh bị gió bật mở từ bao giờ. Tôi thông chân xuống giường tìm đôi dép, lê chân đóng rồi cài then lại, sau đó trở về ngồi lại trên giường, nghe mệt.

Những cơn mê lịm đi như thế cứ đến, không đều đặn, những cơn sốt hành hạ đôi ba lần một ngày, đêm đông kín từng nổi một mỗi ngày ngất trần trọc, tiếng gió hú bên ngoài làm thấy mình cô độc thêm, không phải chỉ những lúc sau cơn mê chợt dậy, không thấy ai ngồi bên, Phượng đã bỏ về nhà từ bao giờ, người bạn tại hậu cứ cũng không, những lúc với tay, tìm một điếu thuốc không thấy, một ca nước không được những lúc đó thấy mình bất lực hơn bao giờ hết, tôi đã nghĩ đến Phượng hay một người nào đó. Những lần Phượng đến thăm ngủ lại đêm trong đồn, giữa căn hầm thấp khom đầu, những lần ôm lấy nàng trong tiếng đại bác bắn vu vơ bên ngoài, ở một nơi nào đó nghĩ ngờ, những trái sáng bùng lên ngoài hàng rào vị trí, đêm bùng bất những ầu lo của mọi người chờ sáng, những lần trở mình thấy Phượng đã ngủ ngon, lên ra ngoài tìm Đồng nói chuyện, hoặc về cuộc lực soát làng ngày hôm sau hoặc về những câu chuyện bằng quơ khác. Những lúc trở vào hầm thấy nàng ngồi dậy lo lắng; những cái hôn vội; những cuộc ân ái vội đã làm nàng hải lòng, làm cuộc tình càng ngày như càng bị sa lầy. Những lần đến thăm của nàng càng ngày càng thường xuyên hơn cùng lúc với những trận đùng đò càng ngày càng dữ dội hơn. Nhiều khi tôi đã nghĩ đến cái đi vắng làm nữ giao liên cho địch của nàng, nhưng những lúc khác, những lúc có nàng bên cạnh, tôi đã bằng quên đi.

Hôm bị sốt hành hạ ngoài đồn xa đó; Đồng xin

trực thẳng đưa tôi về hậu cứ; Hải thay thế dần trung đội đi năm ngoài. Cho đến sau khi tôi được đi tản về bệnh xá này, Phượng mới đến. Đồng báo hôm đó Phượng mang thuốc lá ra cho tôi giữa lúc cả bọn đang chờ tiếp tế, không còn một điếu thuốc nào. Phượng ở lại đồn quân cho đến chiều. Bữa cơm trưa con Hải ở đó, hẳn cũng chia một phần thuốc lá của Phượng mang theo ra làng năm hút. Mười một giờ đêm hôm đó, Hải dẫn trung đội đột kích vào một khu làng địch đang tổ chức họp dân. Lúc vượt qua con suối khô, trời tối đen, Hải chia trung đội ra làm ba cánh bỏ vào làng. Đồng đã cho khẩu súng cối sẵn sàng chiếu sáng yểm trợ cho Hải. Không hơn một phút sau khi Hải vượt suối vào làng, một loạt súng từ trong làng bắn ra. Hải bị thương trên vai và bụng. Trong ánh hỏa châu vừa được dẫn tới, những người lính còn lại trong toán Hải nhìn thấy người trung đội trưởng mới của mình ngã nhào trên một bờ ruộng, cách làng không hơn hai mươi thước, cùng lúc với những toán quân bên kia ào ạt nổ súng vào làng. Trong mây liên lạc, tiếng Đồng gọi thất thanh mà không ai trả lời, người am thoại viên cũng đã chết. Xác hắn nằm cách chỗ Hải khoảng chừng năm thước; trên một bãi cỏ hoang. Đồng còn nói khi cho một trung đội khác đến tăng cường để đưa Hải ra chỗ an toàn chờ tái thương thì Hải đã chết. Tôi nghĩ đến người vợ và đứa con trai đầu lòng của Hải còn lại trong một thành phố; và một buổi mai nào họ được tin người chồng đã chết trận, một buổi mai nào khác xác Hải được mang về đến nhà xác trong thành phố đó...

Buổi chiều khi Đồng ngồi nói chuyện, người lính hậu cứ Đại đội còn cho Đồng biết quyết định tuyên dương công trạng của Hải đã trở về. Một ngôi sao bạc cho lần bị thương trước trong một trận đánh ở một vùng núi. Hải bị bắn xuyên bắp chân; một đơn vị thuộc lực lượng huyện của địch bị đánh bại xuống một thung lũng; làm mỗi ngọn cho huyện chiếc L19 và những quả bom năm trăm cân anh của hai chiếc phân lực cơ. Tôi nghĩ đến một khía cạnh nào đó của mai người chết. Đồng chỉ nghĩ mất đi một người bạn, một người lính đứng cam, và

con muỗi no máu từ góc màn bay ra chầm chập. Cái ý tưởng phải dọn lại căn gác làm tôi bỗng nôn nao trong người, tôi đứng lên, vươn vai; một cái ngáp thật dài và tiếp theo là nước mắt dàn dụa. Đêm qua có ngủ chớ gì được đâu, không biết tại sao.

Mãi cho đến xế trưa, tôi bỏ dở công việc quét dọn phòng, xuống nhà dưới rửa mặt rồi ra quán cà phê. Một vài đứa bé đánh giày ngồi hát ngêu nghao ở ngưỡng cửa quán. Thấy tôi vào, một đứa có khuôn mặt thông minh chạy lại, nó xoe tay xin một điếu thuốc, tôi đưa ngay điếu thuốc đang hút dở cho nó, hết rồi, hút dở đi, thằng bé cười, kẹp điếu thuốc ở hai ngón tay khằng khịu ra về thích chí.

Tôi gọi một ly sữa nước sôi và một ổ bánh mì nướng phết bơ như thường lệ. Máy thẳng bạn tôi không còn ở đây để mỗi sáng cùng tôi ra quán cà phê. Máy thẳng tôi chỉ còn lại Lân, mà giờ thì nó ở trong sở Mỹ rồi. Hết. Còn lại mình tao. Sướng vì khỏi bao tội mà nhưng lại buồn, phải không? Tôi nhớ câu nói đó tôi đã nói với Lân, với Khai, với Lang đến nỗi bọn tôi say ngửa say nghiêng trong cái quán cóc này. Hết. Hết rồi phải không, các con? — ok.

Về đến căn gác, tôi lại tiếp tục xếp dọn mấy chồng quần áo, mấy chồng sách vở quăng tưng, dưới gầm giường, trong xô tôi, trên đỉnh màn, mấy cái chemise trắng dài tay đã sờn, đã dơ, mấy cái quần sport vắt trên sợi dây bố căng giữa phòng; mấy chai thuốc bỏ ỏ, mấy đôi giày cũ đã há miệng... Tôi đã làm một bài tính, cộng lại tất cả tài sản hiện có của tôi trong căn gác này, số tiền không quá hai ngàn. Nay mai chết đói, đồ khi này đem cầm ai mà nhận cho. Thôi, kệ mẹ nó, dọn đi. Tôi cầm củi, bước tới bước lui, ra sức xếp dọn lại tất cả, dù biết rằng nay mai là đầu lại vào đây, đồ đạc sẽ cao trên căn gác này, sách vở, quần áo sẽ văng đầy ra; rồi lại quét dọn. Một! Tôi huýt sáo một đoạn nhạc của một người quen, đưa em đi trong ngày tình xa lang thang, trên giòng buồn vui mênh mang, tiền kiếp phong trần bấp bênh...

Tấm hình Xuyên chợt hiện ra trong đồng giấy vở nhàu dưới gầm tủ. Gương mặt má phính tròn, đôi mắt sáng và hàm răng đều. Người ta đã có hai ba đứa con rồi, giữ hình người ta làm gì. Tôi xé nát tấm hình bỏ ra ngoài cửa sổ. Một vài mảnh vụn của tấm ảnh nằm lại trên thành cửa chớp nhúa, tôi thấy đôi mắt và một nửa sống mũi đẹp, tôi lại xé làm bốn mảnh hình ấy rồi vung lên cao phía ngoài trời. Hết. Thôi, còn gì nữa đâu, nhạc hồng mắt nâu... Tôi hát nhỏ nhỏ thêm một vài đoạn nữa của T.C.S. Cuối cùng, tôi đứng nhìn lại căn phòng đã sạch sẽ và ngăn nắp hoàn toàn. Lát sau, tôi mặc áo quần vào, mượn chiếc xe đạp của thằng con bà chủ

định đạp quanh mấy dãy phố chính. Khi ra tới đường, đưa nhỏ con bà chủ chạy theo nói:

- Cho em gửi mua hộp bút chì màu.
- Anh không có tiền.
- Em đưa. Em đâu có bắt anh...
- Thôi, đưa đây. Anh đi gấp gáp.

Tôi dựng xe ở gần một bóng tối, gần ngõ hẻm. Tiên từ bên kia đường băng qua, ánh mắt long lanh như vừa khóc. Nàng cho biết người anh của nàng vừa nhập ngũ, buồn bỏ đi chơi, về bị má la quá trời. Bây giờ còn buồn nữa không? Anh hỏi kỳ quá. Tôi để nghị nên vào rạp chiếu bóng, Tiên dạ thật nhỏ. Vào đến trong rạp thì phim đã chiếu từ lâu, tôi chỉ ôm chặt Tiên; vuốt ve và nhiều lần tôi hôn môi nàng. Tiên đã quen với những cử chỉ của tôi nên nàng lặng thinh nhìn lên màn ảnh. Không dần được sự thêm muốn, tôi kéo Tiên đứng dậy, đi sâu vào góc rạp, nơi có tấm màn che ở lối cửa ra vào.

V A C A đêm đó, tôi với Tiên ôm chặt lấy nhau, quần quít, cả hai thân xác đều hưng hực nóng. Tôi không còn nhớ đến thằng bạn, người thân nào cả. Tiên cười sặc sụa suốt đêm, mùi khói thuốc và bia thoát ra từ đôi môi rất nóng của nàng càng kích thích tôi.

Hưng đồng, hai đứa dậy tắm và ra phố ăn điểm tâm. Rồi lại suốt ngày đó, tôi không về nhà. Tiên bảo tôi dẫn đi chơi ở vài chỗ mà từ lâu nàng chờ đến. Chúng tôi mang theo bánh mì nem và nước cam. Mãi tới Tiên hay bay khi ngồi xe lam. Tôi đếm hoài mấy ngón tay búp măng của Tiên. Thỉnh thoảng, tôi nhìn theo ngón tay chỉ của nàng, một con bò vàng, một thửa ruộng mạ non xanh dờn hay một ngọn đồi thấp có cái đồn đóng trên cao với lá cờ ba sọc đỏ phát phới bay xa. Tiên như gầy và đen sạm sau một ngày đang nắng. Cứ mỗi gốc cây vắng, mỗi chỗ thừa người là tôi như bị bắt buộc, phải ôm Tiên và ôm thật chặt tấm thân nàng. Nhiều lần, Tiên ngỏ lời can ngăn tôi, em sợ lắm anh...

T O I H Ò M Đ Ó, tôi nằm mơ thấy tôi bị banh xác vì lựu đạn nổ. Từng mảnh thịt nát của tôi dính trên sông, trên thành cửa sổ. Có nhiều người đứng xa nhìn, hai ba đứa trẻ đánh giày bị mũi, nhả nước bọt. Khung cửa sổ tôi hằng ngày dựa đầu, mơ mộng, thả khói thuốc. Khung cửa sổ hằng ngày tôi ngồi ăn bánh mì hoặc ngồi dựa, viết thư cho mấy thằng bạn ở chiến trường. Khung cửa sổ đó bây giờ nhuộm màu đẫm máu. Máu da thịt hôi thối, màu máu tanh với đám ruồi bu đặc. Tôi cười ha ha. Rồi đời này, rồi đời này. Tôi hỏi tôi: mày đi trước thằng Lang, thằng Lân à? — O.K.

Hết. Hết rồi phải không, bạn? — O.K.



dấu vết

TRÂM KHA

Khi đi vắng héo khô đồng tóc của
nỗi buồn xưa hóa đá nửa đời tôi
em có mất tuổi thơ trong huyết lạnh
trong năm mờ ký ức lạnh im hơi

Lòng sông cạn cuồn lưu thành biển đầy
đã đắp vùi bờ bến thuở thanh xuân
tình cuồng nhiệt tan mau trong phút chốc
nỗi đau đời trên thác chảy gập ghềnh.

Khi sầu muộn tìm dư âm ghê đã
lời đi xưa, cỏ mọc ngát tầm vai
vườn đã cũ, chim muông về hợp tị
hồi rất buồn, đón những sớm thu phai

Thời hãy dấu mười ngón tay mỗi một
trên mi gây triu nặng bước thời gian
ôm gối ngủ như con mèo phạm tội
trong đêm tàn lờ lỏi vết vong thân

Rồi một sáng mở bừng đôi mắt lạ
lửa bình minh sẽ đốt cháy thân em
em phân biệt cái đầu mang thánh giá
lên thiên đường xin ăn phúc lãng quên

ngang mặt

VƯƠNG PHU DU

hãy nói đi em cùng cơn bão này
ánh đèn rơi những lá vàng chính nó
gusta để kêu trong những địa của ngày,
chúng tay lên khung cửa đen ta nhớ

hãy thừa nhận trăng trên môi mỗi đêm
lão nông phu xới lại cánh đồng tình
em ăn nấp giữa hồn xanh cỏ mọc
khoảng tháng ngày thể thắm của tương tranh

khi núi non đã nằm sát mặt người
em nhí nhảnh đi cùng cơn bão rồi
ký niệm thắm trắng trong trí nhớ soi
ta ngơ ngẩn bước dài trên chấu nhợt

còn lại gì khi người yêu đã mất
cỏ rong buồn trở cộng vuốt lưng sương
vác quả tim đã to lớn dị thường
ta cười mỗi cười hoài bên vực thăm

mỗi người đi trên đồng đen của mình
khóc mờ hồ từ thuở mới dao binh
ta ngừng mặt nhìn mây trời thấp xuống
làn tóc em che mắt sáng phản vản

Khi định mệnh bạo tàn như bão biển
mỗi người trai phẫn kháng một cuộc
ta trở lại ôm thân tàn nhẩy múa
bên lửa hồng cùng đám tối mênh mông.

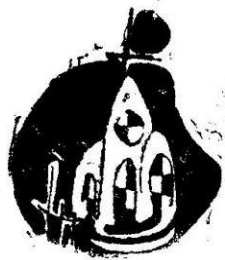
và bến đĩnh

LÊ VINH NGỌC

ngựa nghiêng một bóng một hình
choàng tay trần trời thời mình với ta
hãy quên đời nhớ riêng ta
trong giây phút mộng để xa đời buồn
cho con nước chảy theo nguồn
mang phù sa hết trong hồn ta đi.

MAI SAU

ngọn xanh đèn nhạt phiêu bồng
mưa ru em giấc tình nồng mù sương
lời xa tiếng vọng reo buồn
nhìn xưa gọi lại làm hồng môi khô
thu nghiêng vàng cội hư vô
còn cao nghìn trời sóng pho bãi tình
kết lên một nét tình anh
để soi cho sáng cuộc mình mai sau



ĐÊM TRONG BỆNH XÃ

THẾ VŨ

một chút tiếc thương cho người đã chết. Một lúc nào đó rồi cũng đến lượt Đồng, đến lượt tôi...

Hai viên đạn xuyên qua người Hải. Một cái xác rồi sẽ được chôn về thành phố, trở về nơi quê nhà, nơi hẳn không ngừng ước ao được trở về. Những tiếng khóc than của người thân sau đó cũng chỉ là sự kéo dài vô nghĩa.

Tôi không tiếp tục ngủ được nữa. Trời bên ngoài vẫn tối đen, một chiếc xe tuần chạy qua, ánh sáng quét ngang một vệt dài rồi rẽ vào một đoạn đường khác, ánh đèn khuất sau những dãy nhà tiền chế nằm bên kia con đường. Tôi muốn dậy, sang tìm một thứ gì đó để ăn bên cầu lạc bộ nhưng lười. Tôi tìm một điếu thuốc đốt lên. Giờ này hẳn Phương đã ngủ kỹ trong hầm trú ẩn với mẹ nàng và đứa em trai thọt chân. Bằng hữu thân sơ của tôi hẳn cũng đang tự do dành mình một giấc ngủ qua đêm không phải trở dậy theo lệnh báo động, không phải định hướng tiếng súng AK bắn vu vơ đâu đó. Ngày mai họ còn phải vác súng xuống làng, lên rừng, xuống đầm lầy, vào mặt khu... Những đứa cháu nhỏ của tôi hẳn đã giật mình nhiều lần, bỏ chúng nó cũng đang nằm trong một pháo đài ở ngoại ô xa.

Hai tiếng nổ liên tiếp bùng lên đầu từ phía sân bay. Ánh lửa lên xanh rờn rồi phụt tắt. Những tiếng chân chạy thình thịch bên ngoài, những tiếng gọi nhau ơi ới, và sau đó tôi còn nghe tiếng còi

báo động thời nào nuốt. Tiếng kèn khua xôn xao khắp bốn phía căn cứ. Người y tá trực vận tất ngọn đèn phòng bên, quơ khẩu súng rồi chạy ra ngoài giao thông hào. Một tiếng nổ tiếp theo cũng từ hướng sân trực thăng. Căn cứ chìm trong không khí nặng nề chờ đợi và tối tăm. Tôi dự tất điếu thuốc, nằm yên trên giường. Trái sáng thứ nhất bắn lên bị hồng, đóm lửa đỏ nhào xuống một nơi nào đó rồi phụt tắt. Tiếng đại bác phản pháo bắt đầu nghe rõ và gấp rút hơn. Không có tiếng nổ nào khác trong căn cứ ngoài tiếng đại bác bắn đi. Tôi kéo cao tấm chăn phủ lên đầu. Gió vẫn thổi thốc tháo bên ngoài những hạt cát bị gió bắn lên tẩm phen tòn đốn dập hơn. Con lạnh bắt đầu xâm nhập vào cơ thể tôi. Tôi co người lại cho đủ ấm rồi sau đó không biết thiếp đi lúc nào.

Tiếng nổ lao xao bên ngoài làm tôi tỉnh dậy. Tiếng lao xao từ bên phòng trực vọng sang làm tôi hiểu ra đó là hai người lao công đang bình chiến trường bị thương được chở về. Họ bị cháy nám cả mặt, quần áo và tóc cũng bị cháy khét vì hạ tiếng nổ của bộc phá địch bắn vào đồn lúc này. Ánh đèn bên phòng trực đã được thấp sáng lên lại từ bao giờ. Một trong hai người đó cũng chết khoảng năm phút sau đó, máu đã ứa ra hai lỗ tai và mũi. Trời bây giờ bớt gió lớn, chắc đã gần sáng, tiếng đại bác vẫn rớt chậm rãi vào một xóm làng nghỉ ngơi nào đằng xa Δ

CÙNG CÁC BẠN GỬI BÀI CHO KH

Để tránh những lời phiền hà cũng như những sự việc đáng tiếc xảy ra, Tòa soạn KH mình định một lần nữa những điều cần thiết cho sự cộng tác lâu dài giữa bạn đọc (1) và tờ báo:

I— Bài gửi cho KH miễn gửi cho báo khác và ngược lại (2)

II— Bài lai cáo, gửi về, Tòa Soạn ch trả nhượn bắt truyện ngắn biên khảo, và bài dịch. Các loại khác, tác giả cần để rõ trên đầu trang: có nhượn bắt, (từ số 6 chúng tôi đã lưu ý bạn đọc điều này, nay nói rõ thêm).

III— Từ nay, sau 8 số KH mà chưa thấy bài mình đăng, các bạn toàn quyền gửi bài đó cho báo khác.

(1) Trường hợp các nhà văn nhà thơ không nằm trong mình định này.
(2) Đã có hai trường hợp đáng tiếc xảy ra, một với anh, LBL, một với anh TDN, mà KH không may lại là tờ báo đã đăng lại.

Trường hợp khác, KH may hơn, là đã đăng trước báo khác bài của anh LR— Trường hợp anh TDN, chính anh đã đến Tòa soạn tỏ ý tiếc. Trường hợp anh LR بدن báo chủ nhiệm đã đề cập với tác giả qua بدن báo TKTS. Tòa soạn không trách nhiệm mọi khiêu nại nếu chính tác giả không cho tòa báo biết rõ lý do vì sao đã gửi cùng một bài cho hai báo, nếu không may có sự đăng trùng vữa xảy ra.

tới anh N.N. Duật 3) Sẽ đăng bài góp ý về mục đọc sách 4) Tuần này họp về ngày ĐH, 5) Sẽ đăng cái quảng cáo tờ Quê Hương. Đại tá chủ tịch HVNS QĐ rất mong nó trở thành chi hội. 6) Nếu lấy được QC thì đẹp nhất. Giá cả không chừng — 15.000 đồng một trang QC trên KH một tuần. Người lấy QC ăn 500/o hoa hồng.

ĐẶNG ĐÌNH TÔNG.— Được 2 thư sau của anh rồi. Sẽ có thư riêng.

NGUYỄN BẮC SƠN (PT).— Anh Thanh Tâm Tuyền nói thơ Sơn hay, cũng như một vài anh em khác. Đã nhận được thêm 3 bài sau của Sơn. Có thể gửi cho tôi 1 tấm hình để biết chân dung chăng?

THU QUẾ (VT).— Thành thật là vẫn lưu tâm, nhưng nó cũng có cái gì trục trặc. Tăng trang bây giờ chưa thể được, phải Tết ra. Rất ít người nghĩ như anh: bán được 1 tờ báo khó lắm. Thêm mấy đồng bạc mà thành vấn đề đấy. Ráng đi bài anh. Thái ngọc San, Hạnh Vân, Nguyễn Văn Tung, Thái hương Nguyễn, Di, Mường Mân và một số bạn bè thân sơ cũ nay ở đâu? Mong biết tin và bắt được liên lạc.

Thư về: SVSQ Phạm Tuế, 2A2. KBC 4648

LỮU HUỖNH TRUYỀN (QT).— Trại nhập ngũ vui không? Đã nhận thơ và về.

NHÂN TIN

HÀ NGUYỄN THẠCH (QN).—

Thơ anh sắp đăng như ý anh nói trong thơ. Quả thật là KH nhiều bài lai cáo, nhưng chắc chắn sẽ hiếm có sự lầm lẫn. Chưa nhận được tờ Trước Mặt số 16 của các anh. Không biết ý kiến của các anh ngoài đó ra sao về bài « nói chuyện với anh em làm văn nghệ Miền Trung » của CTB ? Đã chuyển lời thăm hỏi của anh tới các anh Ng Nhật Duật, Ng Hữu Hiệu, Ng Đạt và Cung Tích Biền. Đạt vừa đi lính, ra Vùng 1 rồi. Đứa thế nguy hiểm lắm.

NG KIM PHƯỢNG.— Đã nhận được cả. Sẵn sàng dành một cột để các anh loan tin sinh hoạt văn nghệ miền Trung. Ngoài phong bì nhớ để « Sinh Hoạt Văn Nghệ miền Trung ». Đọc bài thơ rồi.

NGUYỄN NGŨ.— Anh vui lòng cho biết tên thật và địa chỉ để thư riêng.

HỒ MINH DŨNG, TRẦN HOÀI THƯ.— Đã gửi thư và NP tới các anh. Mong thư các anh.

NGUYỄN MIÊN THẢO (Pleiku).— Từ hoài Tấn mong tin ở 42A Đồng Đa Kontum. Hy vọng anh vui lòng. Anh em « nhà » cả.

LÊ VĂN CHÍNH (PT).— 1) Cảm ơn lời chúc 2) Đã chuyển lời hỏi thăm

anh sẽ đăng. Anh không nên quẩn ngại. Anh cứ gửi tiếp cho KH.

Ô VŨ TÂM.— Ông khỏi gửi thư báo đảm, thư vẫn đến như thường. Cảm ơn ông đã khen ngợi bài sinh hoạt về miền Trung.

BUI TÙNG QUÂN.— Việc in thơ bây giờ khó lắm. Không ai chịu bỏ tiền in thơ cho mình hết.

Ngoài ra tòa soạn còn nhận được bài của các bạn:

Triều Phượng Dung — Thái Thần Kinh — Thy Hoài Nhân — Nguyễn Lương Vy — Ng Chí Quyên — Võ Thành Văn — Thạch Lăng Vương — Hồ Ngọc Ngừ — Phạm Tuế — Trần Đăng Tiếp — Phan Cẩm Phi — Hà Tuấn Giao — Ng. Sa Mạc — Thủy Triều — Trần v Thuận — Thy Hoài Nhân — Ng thị Tầm — Huyền thư Sắc — Dũ Tha — Phạm Tuế — Dạ Yên Thảo — Hà Giang — VCHD — Khổng v Hựu — Kim Bình Giang (2) — Cao Cửu Cang — Đoàn Khánh Văn. Lê Vi Ngọc — Lê Thị Tư — Nguyễn Tử Tâm — Cao Nhật Vũ — Thanh Thụy Tiên — Diên Huy — Võ Duy Chung — Sa Mạc Nhoi — Trần Yên Hòa — Nghệ Việt Long — Phạm v Nhân — Hà Tuấn Giao.

TUỔI TRẺ

Nguyễn v Sáu — Bích Hạnh — Lê vũ Hùng — Ng v Tá.

Còn một số thư từ khác chúng tôi sẽ trả lời các bạn trong kỳ tới.

GIỮA tòa soạn VÀ bạn đọc

tiếp theo trang 15

ĐOÀN DŨNG.— Như anh viết trong thư, KH là tờ báo của tuổi trẻ, mở rộng cho những người trẻ. Anh cứ tiếp tục gửi thêm cho KH.

ĐẠM NHƯ.— Vẫn nên gửi thêm đủ loạt bài trước sẽ đăng bài « Ngày ».

TÔ ĐÌNH SỰ.— Liên lạc với Hồ Dạ Thoại qua KBC 4497/HQ.

VIÊM TỊNH.— Lâu lắm mới lại thấy thư.

PHAN VIỆT THỦY.— Có thể đăng cái quảng cáo Hiện Diện trong số này hoặc số sau.

NG THI ĐẠN THANH.— Thơ cô sẽ đăng. Cô mới gửi mà đã giục đã quá.

NG HỮU NĂM.— Cảm ơn lá thư của Năm. Bài trả lời cuộc phỏng vấn đang đọc, chắc là sẽ đăng. Chữ nghĩa như thế không ít ỏi đâu. Chúc Năm chóng bình phục.

NG. THÁI NGÃ (CT).— Có biết Ng Tịnh Đồng nhưng chưa từng gặp. Đang đọc bài anh. Sẽ cố gắng quyết định sớm.

DƯƠNG NGỌC (Huế).— Thơ

HÃY TÌM ĐỌC
bản nguyệt san Văn Học Giáo Dục Xã Hội Chính Trị
QUÊ HƯƠNG
(bình thuận)

số 1. Viết Về Thành Phố Chúng Ta, Phan Thiết.
số 2. Tuổi Trẻ Trên Dòng Sông Mường Mân.
số 3. Nữ Sinh Thành Phố Mận.

Mọi thư từ liên lạc và bài vở gởi về:

LÊ VĂN CHÍNH, NGUYỄN VĂN HẢI
số 1, đường Chu Văn An
(sau lưng trường Nam tiểu học) Phan thiết.

Tìm đọc:

HIỆN DIỆN SỐ 1

Chủ trương: TRẦN HUIỀN AN
PHAN VIỆT THỦY

Có mặt: Võ Hồng — Quán Như — Thành Tôn
Trần Hoài Thư — Lê Quỳnh — Nguyễn Kim
Phượng — Doãn Dân — Khánh Linh — Đặng
Tân Tới — Hoàng Ngọc Châu — Mang Viên Long
— Phạm Ngọc Lư — Nhã Nam — Phạm Cao Hoàng...

Tòa soạn: 153 Lê Thánh Tôn. TUY HÒA

Những bạn yêu mến triết học tìm đọc:

HIỆN HỮU THA NHÂN

với GABRIEL MARCEL

— Cuốn khảo luận công phu và nghiêm chỉnh của ĐẶNG PHÙNG QUÂN, giảng nghiệm viên Triết Học Tây Phương tại Đại Học Văn Khoa Saigon về một chủ đề quan trọng bậc nhất của Triết Học Hiện Sinh: Tha Nhân.

— ĐÊM TRẮNG xuất bản.

NHÀ IN **THẾ GIỚI** 225 — 227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON